

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

viettel
global

Trụ sở chính: Tầng 39 Tòa nhà Keangnam Landmark, lô E6, khu đô thị mới Cầu Giấy,
Phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024 62626868 | Fax: 024 62874932 | Website: www.viettelglobal.vn

viettel
global

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

·:·:·: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

LỜI GIỚI THIỆU

Báo cáo thường niên năm 2020 cung cấp cho quý cổ đông thông tin toàn diện về hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và các sự kiện nổi bật trong năm 2020 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel. Đồng thời, báo cáo cũng nêu ra mục tiêu và định hướng phát triển trong năm 2021 của Tổng Công ty.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔNG CÔNG TY



**TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ MẠNH HÙNG**



ẢN TƯỢNG VIETTEL GLOBAL 05

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
Con số ấn tượng 2020	08
Những sự kiện nổi bật năm 2020	10
Các danh hiệu, giải thưởng	18

TỔNG QUAN VỀ VIETTEL GLOBAL 23

Thông tin cơ bản	24
Thông tin cổ phiếu	25
Thông tin cổ đông	25
Lịch sử hình thành	26
Các mốc phát triển	27
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	30
Hội đồng Quản trị	31
Ban Kiểm soát	32
Ban Điều hành Viettel Global	32

VIETTEL TOÀN CẦU 33

Metfone (Campuchia)	34
Unitel (Lào)	34
Natcom (Haiti)	34
Movitel (Mozambique)	34
Telemor (Đông Timor)	35
Nexttel (Cameroon)	35
Lumitel (Burundi)	35
Halotel (Tanzania)	35
Mytel (Myanmar)	35

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 36

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025	36
---	----

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2020 39

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	40
Báo cáo của Ban Kiểm soát	43
Báo cáo của Người điều hành	46

QUẢN TRỊ CÔNG TY 50

Tổng kết hoạt động của Hội đồng Quản trị	51
Quản trị rủi ro	55

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 59

Tăng trưởng hiệu quả và bền vững	60
Có trách nhiệm với xã hội	63
Bảo vệ môi trường	67

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 68**MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG 60**



ẤN TƯỢNG

VIETTEL GLOBAL

VIETTEL
GLOBAL

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2020 là một năm đặc biệt. Mặc dù thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid, kinh tế lao dốc nhưng lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin lại thăng hoa và trở thành công cụ quan trọng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp cũng như Chính phủ nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh và tiếp tục tiến về phía trước.

Trong bối cảnh này, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global/Tổng Công ty) có 4 thị trường giữ vững vị trí số 1 (Metfone tại Campuchia đạt 41,8% thị phần, Unitel tại Lào 57%, Telemor tại Timor-Leste 54%, Lumitel tại Burundi 54,3%), đặc biệt Mytel tại Myanmar đã vươn lên vị trí số 2 với 31% thị phần (kém nhà mạng giữ vị trí số 1 xấp xỉ 1,6%).

Có thể nói, càng gặp khó Viettel Global càng đoàn kết, quyết tâm và nỗ lực hơn. Toàn thể Viettel Global đã thực hiện các bước chuyển dịch mạnh mẽ như xây dựng và đẩy nhanh kế hoạch chuyển đổi số, tiếp cận các lĩnh vực mới như E-sport, phổ cập Super App, Ví điện tử, thực hiện các hoạt động chuyển đổi số về bán hàng và chăm sóc khách hàng để phù hợp và thích ứng nhanh với thị trường.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức theo định hướng khách hàng, tinh gọn – linh hoạt, cơ cấu lại nguồn nhân lực ưu tiên cho các lĩnh vực mới, thực hiện hiệu quả tối ưu nhân sự cả người Việt Nam và người sở tại ở các thị trường nước ngoài.

Tổng kết năm 2020, Viettel Global đã có tốc độ phát triển cao với tổng doanh thu hợp nhất đạt 22.246 tỷ đồng, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 1.200 tỷ đồng, cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Đặc biệt, tỷ trọng khách hàng sử dụng data của Viettel Global tăng từ 56% năm 2019 lên 63% năm 2020. Nhiều công ty con của Viettel ở thị trường quốc tế đạt kết quả kinh doanh xuất sắc. Điển hình là thị trường Tanzania – đã biến rất nhiều khó khăn thành động lực, giúp tỷ lệ tăng trưởng năm 2020 vọt lên tới 27%.

Kính thưa quý vị,

Năm 2021 là năm đánh dấu cột mốc 15 năm đầu tư ra nước ngoài của Viettel Global. Đây cũng là năm thứ 3 Viettel Global quyết tâm thực hiện mục tiêu chiến lược: **Chuyển đổi số toàn diện, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty toàn cầu, tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số.**

Với mục tiêu này, kế hoạch kinh doanh năm 2021 của toàn Viettel Global đã được HĐQT thông qua trong bối cảnh dịch bệnh vẫn chưa hoàn toàn được kiểm soát. Dự kiến, tổng doanh thu hợp nhất 2021 đạt trên 20.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2021 duy trì đạt dương đến tương đương năm 2020.

Để thực hiện hóa kế hoạch nói trên, Tổng Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021. Viettel Global nhận định viễn thông tiếp tục đóng vai trò chủ đạo tối đa hóa lợi nhuận, ưu tiên đầu tư vào chuyển đổi công nghệ, đặc biệt, dịch vụ số là nguồn động lực mới cho tăng trưởng doanh thu.

Song song đó, Viettel Global sẽ tiếp tục tìm kiếm thị trường mới đáp ứng đủ các yếu tố môi trường, vĩ mô tốt, ổn định, thị trường có tiềm năng tăng trưởng tốt, đảm bảo khả năng cạnh tranh (đủ tần số).

Tôi tin tưởng rằng với một tầm nhìn trung và dài hạn cũng như chiến lược phát triển được hoạch định thận trọng và rõ ràng, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục phát huy tốt vai trò quản trị, điều hành để mang lại giá trị cao nhất cho Tổng Công ty, đưa Viettel Global thành một Tổng Công ty toàn cầu vững mạnh, xứng đáng với vai trò là doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài lớn nhất Việt Nam.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của Quý Cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và toàn thể CBNV trong suốt thời gian vừa qua và mong rằng quý vị sẽ luôn đồng hành cùng Hội đồng Quản trị trong những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TÀO ĐỨC THẮNG

CON SỐ ẤN TƯỢNG 2020

▶ Tổng dân số các thị trường đang kinh doanh
230 triệu



gần gấp **2,2 lần**
dân số Việt Nam

▶ Tổng số khách hàng: hơn
57 triệu



tăng trưởng **11%**

▶ Tổng Doanh thu hợp nhất
22.246 tỷ đồng



tăng trưởng **15,4%**

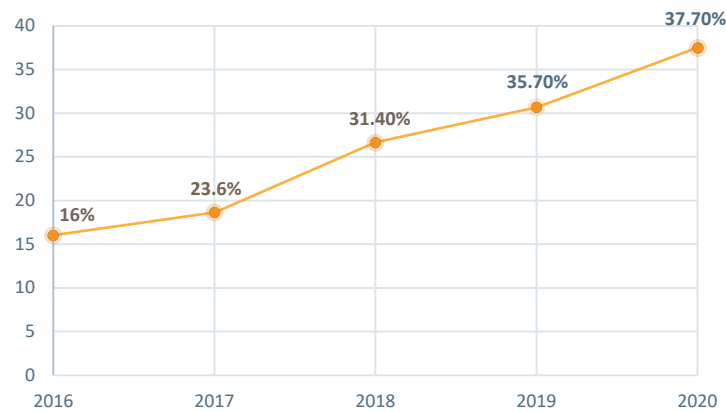
▶ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất
1.200 tỷ đồng



hoàn thành
mục tiêu năm 2020

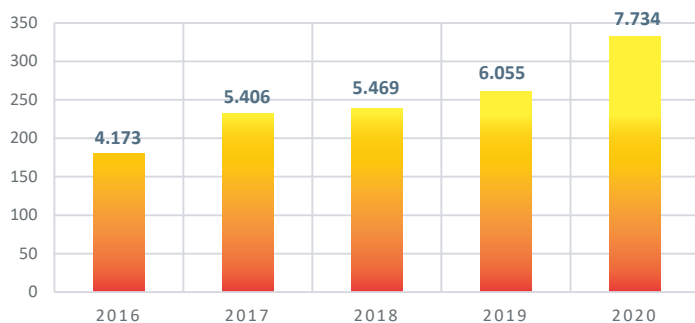
Tỷ suất lợi nhuận gộp **cao nhất** từ trước đến nay

Tỷ suất Lợi nhuận gộp (%)



Dòng tiền về: hơn **7.700 tỷ đồng** (tăng 28%)

Dòng tiền về (tỷ đồng)



▶ Tổng chiều dài cáp quang: hơn
182.000 km



tăng **20%**

▶ Tổng số tủ phát sóng 2G, 3G, 4G: hơn
72.500 tủ



tăng **30%**

Tiên phong chuyển dịch số tại các thị trường

▶ Thử nghiệm thành công
First Call 5G



tại **03** quốc gia

▶ Cung cấp dịch vụ
ví điện tử tại



07 quốc gia

▶ Doanh thu
thương mại điện tử



tăng trưởng **130%**

▶ Khách hàng sử dụng data
tăng trưởng 13%



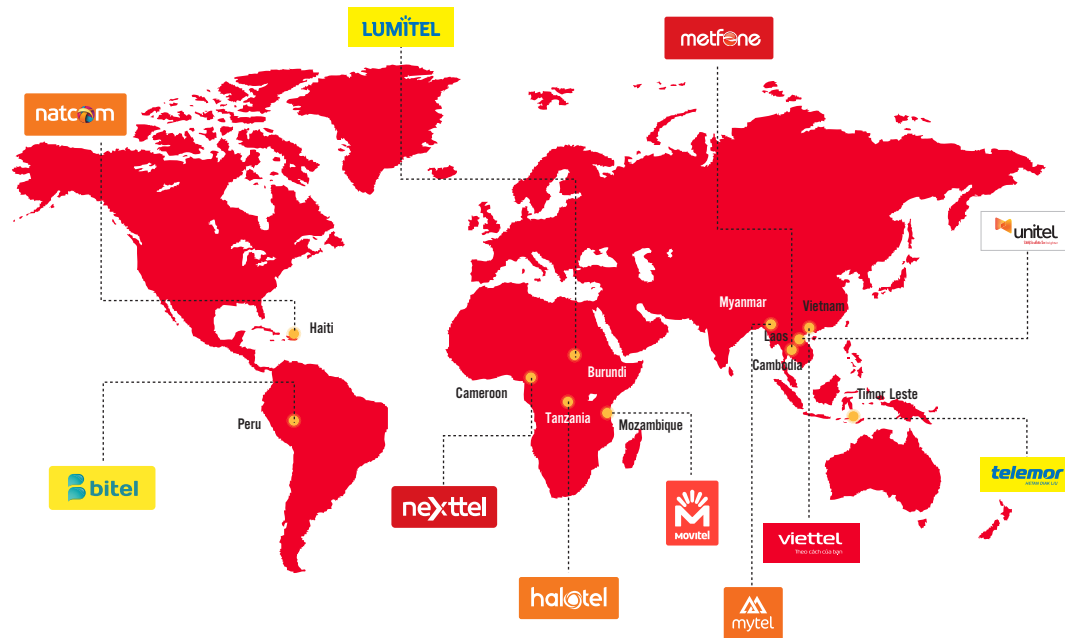
chiếm 62,2%
tổng số khách hàng

▶ Doanh thu data
22.632 tỷ đồng



tăng trưởng **28,7%**

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2020



VIETTEL GLOBAL TIẾP TỤC ĐẠT KẾT QUẢ KINH DOANH TỐT

Năm 2020, bất chấp đại dịch Covid gây ảnh hưởng tới tất cả các doanh nghiệp trên thế giới, Viettel Global không chỉ thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra mà còn xuất sắc về đích kế hoạch năm 2020 trước 1 tháng. Hầu hết các chỉ tiêu tăng trưởng 2 con số so với cùng kỳ năm 2019.

Các thị trường nước ngoài đều khởi sắc, có dấu ấn riêng và đóng góp vào thành công chung của Viettel Global. Các thị trường Châu Á tăng trưởng ổn định khi 3/4 thị trường tiếp tục củng cố thị phần số 1, và 1 thị trường vươn lên số 2 chỉ sau hơn 2 năm kinh doanh. Các thị trường châu Mỹ tiếp tục có tăng trưởng tốt, đặc biệt ghi dấu ấn từ các dự án khách hàng doanh nghiệp và Chính phủ. Các thị trường châu Phi khởi sắc với tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ và khách hàng cao nhất so với 2 khu vực còn lại.

Đồng thời, bám sát định hướng chuyển dịch số, trong năm 2020, các thị trường nước ngoài của Viettel tiếp tục giữ thế tiên phong về công nghệ tạo nên những bước chuyển dịch số mạnh mẽ và đột phá. Theo đó, Viettel Global ghi nhận doanh thu tăng trưởng ở các sản phẩm, dịch vụ số như các giải pháp CNTT (tăng trưởng 44% so với cùng kỳ) và dịch vụ Ví điện tử (tăng trưởng 130%)... Ngoài ra, việc chuyển đổi các hoạt động bán hàng, CSKH sang các kênh online như website, telesales, app selfcare, Facebook ... để đảm bảo kinh doanh trong mùa dịch bệnh Covid-19 đều được Viettel Global triển khai tích cực.

METFONE TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH “NGÔI VƯƠNG”

Sau bút phá trong cuộc đua thị phần tại Campuchia mùa Covid-19, Metfone (thương hiệu của Viettel tại Campuchia) đặt mục tiêu trở thành “Công ty số 1 về dịch vụ số”. Nhờ sớm chuyển đổi số, Metfone là đơn vị dẫn đầu thị trường, đồng hành cùng chính phủ, doanh nghiệp và người dân Campuchia thực thi chiến lược chuyển đổi số quốc gia trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Năm 2020, Metfone duy trì tăng trưởng doanh thu ở mức hai con số là 11,3%, lợi nhuận tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây đạt 46 triệu USD. Với các kết quả nổi bật này, Metfone tiếp tục giữ vững “ngôi vương” khi tiếp tục là công ty số 1 về viễn thông và gia tăng khoảng cách về mặt thị phần với các nhà mạng khác.

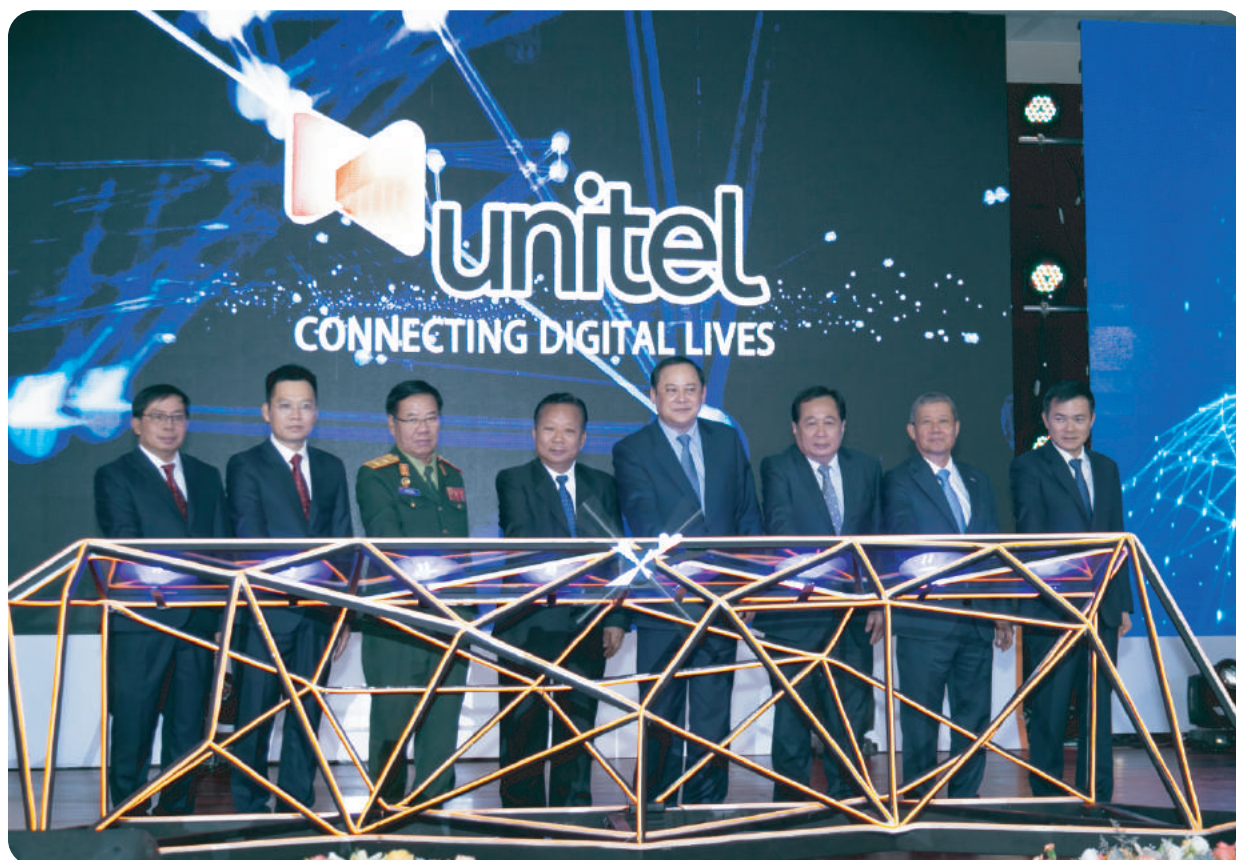
Bên cạnh đó, Metfone cũng được đánh giá là công ty có chính sách xã hội tốt nhất Campuchia đặc biệt trong mùa dịch và được ca ngợi trên The Khmer Times. Bằng các hoạt động khẳng định triết lý kinh doanh vì con người và những bước tiến vững chắc hướng tới mục tiêu chuyển đổi số, Metfone đang khẳng định vị thế của một doanh nghiệp dẫn đầu thị trường ở Campuchia.



**UNITEL “BỘ THU”
GIẢI THƯỞNG
QUỐC TẾ VỀ DỊCH
VỤ SỐ VÀ CNTT**

Nằm trong chiến lược toàn cầu về chuyển đổi số, năm 2020, Unitel (thương hiệu của Viettel tại Lào) đã và đang phát triển các dịch vụ mới về Giải pháp Công nghệ thông tin, Ví điện tử và dịch vụ nội dung. Những nỗ lực của Unitel đã được nhiều tổ chức quốc tế công nhận với 5 giải thưởng quốc tế lớn, góp phần hỗ trợ nước bạn Lào hiện diện trên bản đồ CNTT thế giới.

Các giải thưởng Unitel đạt được trong năm 2020: Giải thưởng "Nhà cung cấp Internet nhanh nhất 2020" tại thị trường Lào ghi nhận nỗ lực của Unitel trong việc củng cố, cải thiện chất lượng mạng, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng. Giải Bạc Stevie Awards và giải Bạc IT World Award cho dịch vụ tài chính di động U-Money. Giải Vàng Giải thưởng IT World Award và giải Đồng Stevie Awards cho dự án Quản lý hộ tịch đổi mới hành chính công tại Lào.



**NATCOM NHẬN
BẰNG KHEN CAO
CẤP NHẤT HAITI
SAU 9 NĂM CHÍNH
THỨC KINH DOANH**

Tháng 9/2020, Natcom (thương hiệu của Viettel tại Haiti) đánh dấu 9 năm chính thức kinh doanh tại đất nước Haiti. Nhân dịp này, Thủ tướng Joseph Jouthe thay mặt Chính phủ Haiti trao tặng bằng khen cao quý nhất cấp nhà nước “Honneur & Mérite” cho Natcom. Bằng khen ghi nhận “9 năm đóng góp cho cộng đồng và tiến bộ công nghệ của ngành viễn thông ở Haiti”. Chính phủ Haiti đánh giá cao những đóng góp của Natcom trong 9 năm qua vào ngân sách Nhà nước Haiti và những nỗ lực của Natcom nhằm hiện đại hoá công nghệ viễn thông tại Haiti.

Năm 2020, Natcom có mức tăng trưởng khách hàng tốt nhất từ trước đến nay, cán mốc 2,7 triệu khách hàng, doanh thu và lãi sau thuế cũng có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

**MOVITEL
TĂNG TRƯỞNG
DATA NHANH
NHẤT TRONG
CÁC THỊ
TRƯỜNG NƯỚC
NGOÀI**

Tưởng chừng một năm đầy biến động do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp sẽ khiến Movitel (thương hiệu của Viettel tại Mozambique) khó có thể đột phá, nhưng nhờ những cách làm linh hoạt, vận dụng tối đa các nền tảng số, Movitel đã có những kết quả nổi bật.

Năm 2020 là năm thứ hai liên tiếp doanh thu dịch vụ của Movitel tăng trưởng trên 20%, đạt 237 triệu USD, tương đương 21,6%. Kết quả tích cực này đến từ việc Movitel thực thi chiến lược thành thị, phát triển khách hàng có ARPU cao, đầu tư hạ tầng 4G v.v

Không chỉ vậy, Movitel cũng có tốc độ chuyển dịch Data nhanh nhất trong các thị trường nước ngoài. Cụ thể, thuê bao data của Movitel tăng trưởng tới 30,7%, tương đương 289.000 thuê bao. Doanh thu data tăng trưởng 81%, gấp 4 lần so với doanh thu từ tiêu dùng gốc. Tỷ trọng tiêu dùng data đạt 43,3%, so với năm 2019 là 25%.



**TELEMOR
TRỞ THÀNH
“ĐẠI SỨ DU LỊCH”
CỦA TIMOR**

Với triết lý kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội, từ tháng 5/2020, Telemor (thương hiệu của Viettel tại Timor-Leste) đã thực hiện một chiến dịch truyền thông thương hiệu lớn với tên gọi “Halo Bonita Timor - Hello Beautiful Timor”.

Chiến dịch quảng bá đất nước và con người Timor với 14 video về 13 huyện được thực hiện trong suốt 6 tháng liên tục. Đồng hành cùng đất nước, con người Timor xinh đẹp và thân thiện là các dịch vụ di động, ví điện tử Mosan, các ứng dụng giải trí, giải pháp công nghệ của Telemor. Telemor đang xuất hiện khắp mọi nơi tại quốc gia này và góp phần phát triển Đông Timor ngày càng hiện đại và vươn tầm thế giới.

Chiến dịch nhận được hơn 5 triệu lượt tiếp cận, hơn 1,5 triệu tương tác, hơn 2,3 triệu lượt xem (gấp 2 lần dân số của Đông Timor) trên các kênh digital. Hơn 50 KOL và fanpage cộng đồng tại Timor chia sẻ về chiến dịch. Sau chiến dịch, Telemor nhận được sự yêu thích của hàng trăm nghìn khách hàng, các tổ chức NGOs, đặc biệt, được Bộ Du lịch Timor ghi nhận và đánh giá cao Công ty Telemor trong việc truyền thông về hình ảnh đất nước, con người Timor.

LUMITEL - NHÀ CUNG CẤP VÍ ĐIỆN TỬ SỐ 1 BURUNDI

Bắt đầu cung cấp dịch vụ ví điện tử vào tháng 3/2017 đến nay, Lumicash - ví điện tử của Lumitel (thương hiệu của Viettel tại Burundi) - đã kinh doanh hiệu quả và trở thành một trong những phương tiện thanh toán quen thuộc, dễ sử dụng và bảo mật của thuê bao Lumitel. Sau gần 4 năm vận hành, ví điện tử Lumicash đã góp phần quan trọng đưa tỷ lệ người dân Burundi dùng ví điện tử lên 18%, cao hơn nhiều so với người sử dụng tài khoản ngân hàng. Hiện Lumitel đang là nhà cung cấp dịch vụ điện tử tốt nhất tại Burundi với hơn 1,1 triệu người thường xuyên sử dụng tài khoản Lumicash để giao dịch thanh toán.

Năm 2020, Lumitel hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Đặc biệt, thuê bao di động đã chiếm thị phần số 1 tại Burundi với 56% thị phần, cao nhất từ trước đến nay.



HALOTEL TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VÀ TỐT NHẤT TRONG 3 NĂM GẦN ĐÂY

Năm 2020, vượt lên trên nhiều khó khăn thách thức, Halotel (thương hiệu của Viettel tại Tanzania) lấy lại đà tăng trưởng, từng bước chuyển dịch số thành công, tạo tiền đề cho một giai đoạn phát triển tiếp theo tại quốc gia Đông Phi này.

Kết thúc năm, thuê bao di động của Halotel vượt mốc 4 triệu trong đó thuê bao ví điện tử chiếm 50% tổng thuê bao di động, đạt 2 triệu thuê bao. Doanh thu dịch vụ của Halotel tăng trưởng 27% (chỉ sau Mytel - thương hiệu của Viettel tại Myanmar). Không chỉ tăng trưởng doanh thu dịch vụ, Halotel cũng là thị trường có doanh thu ví điện tử lớn nhất trong 10 thị trường nước ngoài của Viettel với mức doanh thu ví điện tử hơn 1 triệu USD/tháng, tăng 2,7 lần so với năm 2019.



MYTEL - THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CÓ SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ DOANH THU LỚN NHẤT CỦA VIETTEL TRÊN TOÀN CẦU

Sau hơn 2 năm ra mắt, Mytel - thương hiệu của Viettel tại Myanmar đã đạt hơn 11 triệu thuê bao, gấp 2,5 lần nhà mạng đứng thứ tư tại Myanmar. Myanmar trở thành thị trường quốc tế có số lượng khách hàng và doanh thu lớn nhất của Viettel trên toàn cầu.

Ngay từ khi gia nhập thị trường viễn thông, Mytel đã giúp phổ cập dịch vụ internet tại đất nước này với mật độ tăng từ 31% (tháng 6/2018 - thời điểm Mytel cung cấp dịch vụ) lên 85% (tháng 11/2020). Mytel cũng là nhà mạng được yêu thích nhất tại Myanmar trong hai năm liên tiếp với chỉ số đo lường sự hài lòng của khách hàng - NPS (Net Promoter Score) là dương 11 (năm 2019) và dương 40 (năm 2020).

Mytel cũng được đánh giá là nhà mạng tốt nhất cho giới trẻ, nhà mạng phong cách và hiện đại nhất, cung cấp dịch vụ data, Internet tốt nhất.

Trong năm 2020, Mytel liên tục duy trì tăng trưởng ổn định với con số 4 - 5% sau mỗi tháng, tổng doanh thu đạt 104% so với kế hoạch năm.

CÁC DANH HIỆU GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THẾ GIỚI (IT WORLD AWARDS)

Là giải thưởng thường niên do Network Product Guide (trụ sở tại Thung lũng Silicon, Hoa Kỳ) tổ chức, nhằm tôn vinh những thành tựu tiêu biểu của ngành Công nghệ thông tin (CNTT) trên toàn thế giới.

2020

- Giải Vàng hạng mục “Sản phẩm và dịch vụ CNTT tốt nhất dành cho Chính phủ” - Unitel tại Lào.
- Giải Bạc hạng mục “Sản phẩm và dịch vụ CNTT tốt nhất dành cho ngành Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm” - Unitel tại Lào.

GIẢI THƯỞNG KINH DOANH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL BUSINESS AWARDS - STEVIE AWARDS)

Là một trong những giải thưởng hàng đầu thế giới tôn vinh thành tựu và đóng góp tích cực của các doanh nghiệp, cá nhân trên toàn cầu, trong đó có lĩnh vực CNTT và viễn thông, đối với lợi ích của cộng đồng

2020

- Giải Đồng hạng mục “Dịch vụ tài chính xuất sắc nhất” - Telemor tại Đông Timor.

2019

- Giải Vàng hạng mục “Chiến dịch Marketing cho di động của năm” - Mytel tại Myanmar
- Giải Vàng hạng mục “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất của năm” - Lumitel tại Burundi
- Giải Bạc hạng mục “Ra mắt sản phẩm/dịch vụ mới” - Mytel tại Myanmar
- Giải Đồng hạng mục “Chiến dịch marketing của năm” - Metfone tại Campuchia

2017

- Giải Bạc hạng mục “Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất khu vực Trung Đông và châu Phi” - Halotel tại Tanzania
- Giải Vàng hạng mục “Sản phẩm giải trí truyền thông mới tốt nhất của năm” – triển khai tại Campuchia (Metfone) và Tanzania (Halotel).

2016

- Giải Bạc chương trình “Khởi nghiệp thành công nhất của năm” - Lumitel tại Burundi
- Giải Vàng hạng mục “Chiến dịch Marketing của năm” - Metfone tại Campuchia
- Giải Bạc hạng mục “Sản phẩm mới tốt nhất của năm” - Metfone tại Campuchia

2015

- Giải Vàng hạng mục “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất năm khu vực châu Á, châu Úc và New Zealand” - Telemor tại Đông Timor.
- Giải Bạc hạng mục “Chương trình doanh nghiệp xã hội của năm” - Natcom tại Haiti.

2014

- Giải Vàng hạng mục “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất khu vực Trung Đông và Châu Phi” - Movitel tại Mozambique
- Giải Bạc hạng mục “Doanh nghiệp khởi nghiệp thành công nhất” - Telemor tại Đông Timor.



GIẢI THƯỞNG STEVIE AWARDS CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

(PACIFIC ASIA STEVIE AWARDS)

Stevie Awards là giải thưởng uy tín hàng đầu thế giới nhằm vinh danh những thành tựu, đóng góp của các tổ chức và chuyên gia trên toàn thế giới từ năm 2002.

- 2020 ● Giải Bạc hạng mục “Đổi mới Sản phẩm và Dịch vụ tiêu dùng” – Unitel tại Lào.
- Giải Đồng hạng mục “Đổi mới và phát triển Dịch vụ chính phủ Điện tử” – Unitel tại Lào.

GIẢI THƯỞNG DO CHÍNH PHỦ NƯỚC SỞ TẠI TRAO TẶNG

- 2020 ● Bằng khen cao quý nhất cấp nhà nước “Honneur & Mérite” ghi nhận “9 năm đóng góp cho cộng đồng và tiến bộ công nghệ của ngành viễn thông ở Haiti” – Natcom tại Haiti
- 2019 ● Huân chương Lao động hạng Nhất – Metfone tại Campuchia
- Huân chương Tự do hạng Nhất – Unitel tại Lào
- Huân chương Phát triển hạng Nhất – Unitel tại Lào
- 2018 ● Huân chương Lao động hạng Nhì - Unitel tại Lào
- Huân chương Anh hùng hạng Nhì - Unitel tại Lào
- 2016 ● Huân chương Lao động hạng Nhì - Unitel tại Lào
- Công ty có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong năm - Halotel tại Tanzania
- Giải Ba hạng mục “Công ty viễn thông có thành tích nổi bật” - Halotel tại Tanzania

2015 ● Bằng khen “Vì sự nghiệp phát triển ngành CNTT” – Unitel tại Lào

2014 ● Huân chương Lao động hạng Ba – Unitel tại Lào

GIẢI THƯỞNG VIỄN THÔNG CHÂU Á (TELECOM ASIA AWARDS)

Là giải thưởng thường niên nhằm vinh danh những sáng tạo công nghệ và đóng góp cho ngành của các nhà cung cấp giải pháp viễn thông hàng đầu tại châu Á - Thái Bình Dương.

2019 ● CEO của năm – CEO Nguyễn Thanh Nam – Mytel tại Myanmar

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU BRAND FINANCE

Brand Finance là Công ty tư vấn định giá thương hiệu và chiến lược kinh doanh độc lập hàng đầu thế giới.

- 2016 ● Top 5 thương hiệu viễn thông hoạt động hiệu quả nhất ASEAN – Unitel tại Lào
- Top 100 thương hiệu viễn thông giá trị nhất khu vực Đông Nam Á ~ 94 triệu USD – Metfone tại Campuchia

GIẢI THƯỞNG TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ (WCA - WORLD COMMUNICATIONS AWARDS)

Là giải thưởng uy tín trong ngành viễn thông thế giới và được tổ chức thường niên nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có thành công trong kinh doanh và góp phần phát triển thị trường viễn thông

- 2016 ● Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất tại thị trường mới nổi - Lumitel tại Burundi
- Chiến dịch xây dựng thương hiệu tốt nhất - Lumitel tại Burundi
- 2015 ● Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất tại thị trường đang phát triển - Telemor tại Đông Timor
- 2014 ● Nhà khai thác tốt nhất ở thị trường đang phát triển - Movitel tại Mozambique
- 2012 ● Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại các nước đang phát triển - Unitel tại Lào
- 2011 ● Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại các nước đang phát triển - Metfone tại Campuchia

GIẢI THƯỞNG TRUYỀN THÔNG CAMEROON (ASCOM PRIZE)

Sự kiện được Hiệp hội Truyền thông Cameroon tổ chức.

- 2016 • Nhà cung cấp dịch vụ Internet tốt nhất tại Cameroon - Nexttel tại Cameroon
- Ứng dụng truyền hình di động tốt nhất - Nexttel tại Cameroon
- 2015 • Nhà cung cấp dịch vụ Internet tốt nhất tại Cameroon - Nexttel tại Cameroon

GIẢI SÁNG TẠO DI ĐỘNG (MOBILE INNOVATIONS AWARDS - DÀNH CÁC DOANH NGHIỆP KHU VỰC CHÂU ÂU, TRUNG ĐÔNG VÀ CHÂU PHI EMEA)

Là giải thưởng nhằm tôn vinh và khuyến khích các công nghệ di động mới trong khu vực

- 2014 • Giải thưởng do Hội đồng Giám khảo bình chọn - Judges's Award – Movitel tại Mozambique

HỘI NGHỊ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN (AIM)

Là Hội nghị được tổ chức bởi Bộ Ngoại Thương của Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE)

- 2014 • Dự án đầu tư tốt nhất năm của khu vực Đông, Tây và Trung Phi– Halotel tại Tanzania

TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG FROST AND SULLIVAN

Chuyên phân tích, tư vấn chiến lược với mạng lưới toàn cầu trên 40 quốc gia

- 2013 • Doanh nghiệp dẫn đầu về năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực di động– Movitel tại Mozambique
- 2010 • Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất của năm tại thị trường mới nổi– Metfone tại Campuchia

HIỆP HỘI TRUYỀN THÔNG CHÂU PHI (AFRICOM)

Sự kiện được Hiệp hội Truyền thông Cameroon Châu Phi tổ chức.

- 2012 • Nhà mạng có giải pháp tốt nhất giúp cải thiện viễn thông tại khu vực nông thôn Châu Phi - Movitel tại Mozambique

TỔNG QUAN VỀ
VIETTEL GLOBAL



THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên Công ty	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tên giao dịch quốc tế	VIETTEL GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VIETTEL GLOBAL., JSC
Trụ sở chính	Tầng 39 - 40, Tòa nhà Keangnam Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại	84-24-62626868
Fax	84-24-62568686
Website	www.viettelglobal.vn
Logo	
Giấy chứng nhận ĐKDN số	0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 16/12/2019
Người đại diện theo pháp luật	Đỗ Mạnh Hùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	30.438.112.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	30.438.112.000.000 đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	16/10/2009

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

- Hoạt động kinh doanh khác
Chi tiết: Các dịch vụ viễn thông; Phát triển các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, internet.
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Khảo sát, lập dự án công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (trừ khảo sát thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Bưu chính.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán:	VGI
Sàn niêm yết:	UPCOM
Ngày bắt đầu niêm yết:	25/9/2018
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.043.811.200 (Ba tỷ bốn mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm) cổ phiếu

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CỔ ĐÔNG LỚN TÍNH TỚI 30/03/2021

Tên:	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng:	3.014.205.300 cổ phần
Tỉ lệ:	99,027 %
Ngoài ra có:	10.410 Cổ đông (theo Chốt danh sách cổ đông ngày 30/03/2021)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 10/10/2019:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	7.958	3.041.126.912	99,912%
1	Tổ chức	14	3.014.843.848	99,048%
2	Cá nhân	7.944	26.283.064	0,864%
II	Cổ đông nước ngoài	211	2.684.288	0,088%
1	Tổ chức	6	25.300	0,001%
2	Cá nhân	205	2.658.988	0,087%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	8.169	3.043.811.200	100%

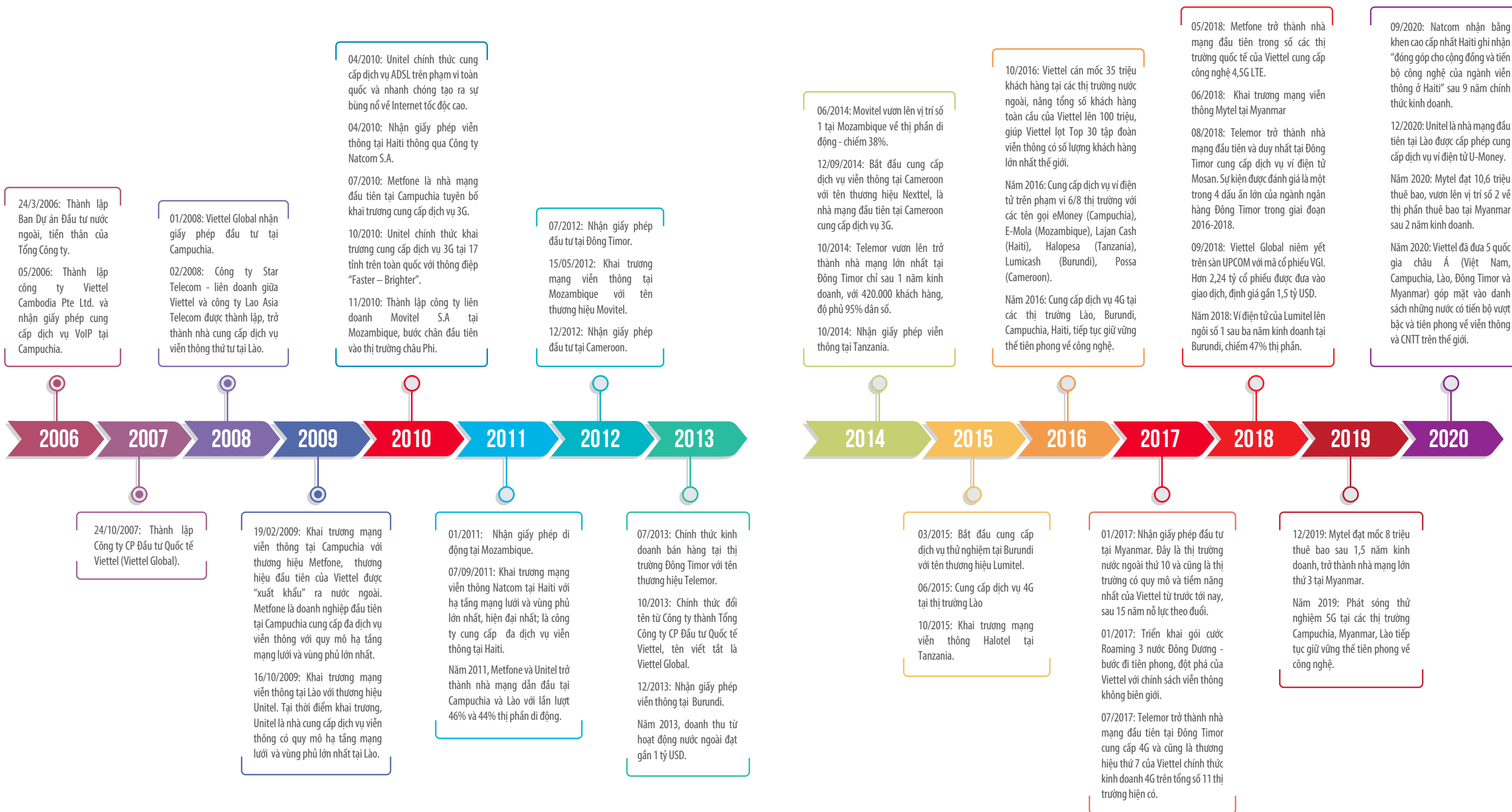


Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) được thành lập vào ngày 24 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102409426 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội. Mục tiêu kinh doanh chính của Viettel Global là đầu tư vào các dự án viễn thông tại thị trường nước ngoài, mở rộng phạm vi hoạt động; nâng cao năng lực cạnh tranh; mở rộng quy mô thị trường chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất.

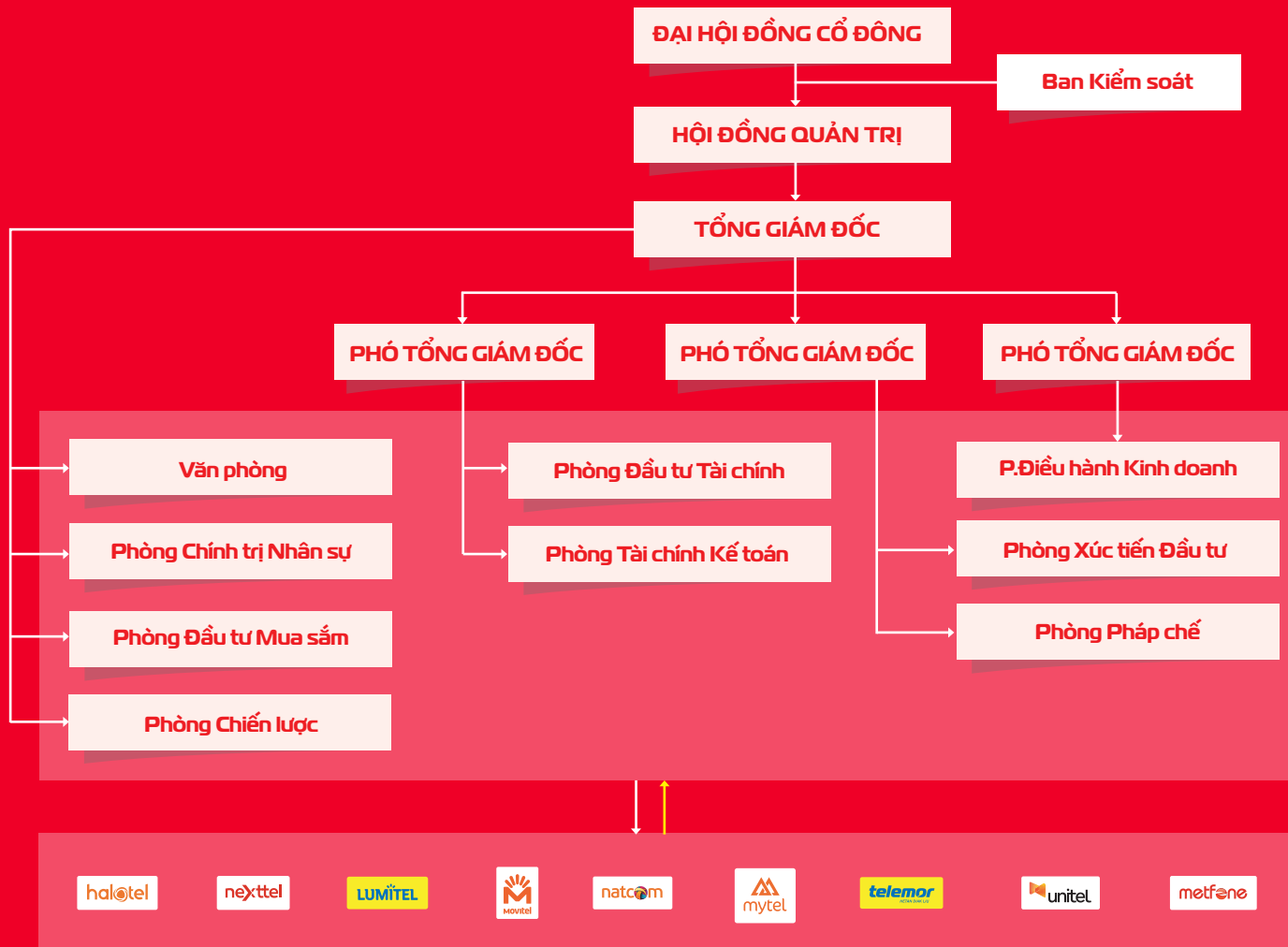
Sau hơn 14 năm hoạt động, vốn điều lệ của Viettel Global tăng từ 960 tỷ lên 30,43 nghìn tỷ đồng, là nhà đầu tư viễn thông quốc tế lớn nhất Việt Nam, nằm trong Top 20 công ty viễn thông đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới về số thuê bao (theo đánh giá của Hiệp hội Hệ thống thông tin di động toàn cầu - GSMA).

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN
VIETTEL GLOBAL

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng Công ty, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Tổng Công ty Viettel Global gồm 7 thành viên và có các quyền hạn, trách nhiệm cơ bản sau:

- » Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty.
- » Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- » Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- » Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty bao gồm quy chế Quản lý tài chính, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế quản lý Quỹ khen thưởng phúc lợi, quy chế Lương, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- » Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ.
- » Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:



ÔNG
TÀO ĐỨC THẮNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÀ
NGUYỄN THỊ HẢI LÝ
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



ÔNG
ĐỖ MẠNH HÙNG
Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG
NGUYỄN THANH NAM
Thành viên Hội đồng quản trị



BÀ
ĐÀO THÚY HƯƠNG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÀ
VŨ THỊ MAI
Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG
PHAN TRƯỜNG SƠN
Thành viên Hội đồng quản trị

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tổng Công ty và hiện có 3 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm.

BKS thực hiện công việc theo chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty; Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CHÍNH CỦA BKS:

- Giám sát các hoạt động của HĐQT: Giám sát việc triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, bất thường trong năm; Giám sát, kiểm tra việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, công tác tổ chức các cuộc họp HĐQT, việc ban hành các Nghị quyết, các quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Giám sát các hoạt động quản lý của Ban điều hành: Giám sát, kiểm tra việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT, tính tuân thủ trong phân cấp thẩm quyền của HĐQT cho Ban điều hành; Giám sát việc ban hành và thực thi các nội dung theo các quy định, quy trình, quy chế thuộc thẩm quyền của Ban điều hành.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán, kế toán, tính trung thực, hợp lý trong việc trình bày BCTC của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty.

DANH SÁCH BKS



ÔNG

LÊ QUANG TIỆP

Trưởng Ban Kiểm soát



ÔNG

NGUYỄN HOÀI BẮC

Thành viên Ban Kiểm soát



BÀ

QUẢN THỊ THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

BAN ĐIỀU HÀNH VIETTEL GLOBAL



ÔNG

ĐỖ MẠNH HÙNG

Tổng Giám đốc



ÔNG **HÀ THẾ DƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG **NGUYỄN CAO LỢI**

Phó Tổng Giám đốc



BÀ **NGUYỄN THỊ HOA**

Phó Tổng Giám đốc

VIETTEL
TOÀN CẦU

VIETTEL
GLOBAL



metfone

CAMPUCHIA

- » Khai trương: **19/02/2009**
- » Số 1 về thị phần di động với **41,7%** thị phần.
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới với **11.000 trạm** phát sóng (BTS), đạt **97%** vùng phủ sóng toàn Campuchia.

unitel

LÀO

- » Khai trương: **16/10/2009**
- » Số 1 về thị phần di động với **57,5%** thị phần.
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới với **7.100 trạm** phát sóng (BTS), chiếm **95%** vùng phủ sóng toàn Lào.

natcom

HAITI

- » Khai trương: **07/09/2011**
- » Số 2 về thị phần di động với **41,3%** thị phần .
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới: **1.900 trạm** phát sóng (BTS).

movitel

MOZAMBIQUE

- » Khai trương: **15/05/2012**
- » Số 2 về thị phần di động với **41%** thị phần.
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới, với **3.300 trạm** phát sóng (BTS), chiếm **97%** vùng phủ sóng toàn Mozambique.

telemor

ĐÔNG TIMOR

- » Khai trương: **07/2013**
- » Số 1 về thị phần di động với **54%** thị phần.
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới với **530 trạm** phát sóng (BTS), chiếm **98%** vùng phủ sóng toàn Đông Timor.

nexttel

CAMEROON

- » Khai trương: **12/09/2014**
- » Số 3 về thị phần di động với **30%** thị phần
- » Hạ tầng mạng lưới: với **2.700 trạm** phát sóng (BTS), vùng phủ **89%** toàn Cameroon.

LUMITEL

BURUNDI

- » Khai trương: **26/03/2015**
- » Số 1 về thị phần di động với **54,5%** thị phần
- » Số 1 về hạ tầng mạng lưới, với **950 trạm** phát sóng (BTS), vùng phủ đạt **90%** toàn Burundi.

halotel

TANZANIA

- » Khai trương **15/10/2015**
- » Số 4 về thị phần di động với **13,1%** thị phần.
- » Xây dựng **4.500 trạm** phát sóng (BTS), đạt **95%** vùng phủ sóng toàn Tanzania.

mytel

MYANMAR

- » Khai trương: **09/06/2018**
- » Số 2 về thị phần di động với **31%** thị phần.
- » Số 1 về hạ tầng viễn thông 4G với hơn **7.900 trạm** phủ sóng di động băng rộng tới **80%** dân số.

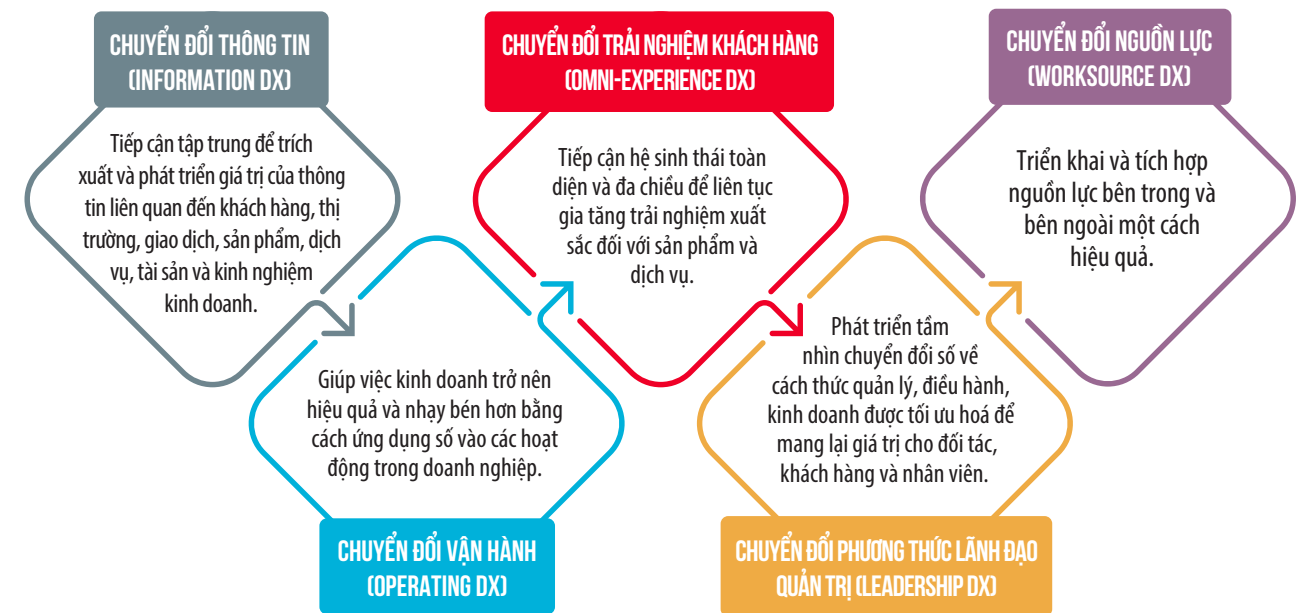
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025



Kế hoạch kinh doanh của Viettel Global được xây dựng dựa trên quan điểm tiếp tục duy trì sự phát triển hiệu quả của tất cả các thị trường đang đầu tư, dựa trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bám sát theo các tín hiệu của thị trường và tiếp tục chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tăng trưởng sang các dịch vụ mới ngoài viễn thông truyền thống. Theo đó, Tổng Công ty đã định hướng các chiến lược lớn cho các thị trường nước ngoài mà Viettel Global đang đầu tư như sau:

CHUYỂN DỊCH SANG SỐ HOÁ (DIGITAL TRANSFORMATION)

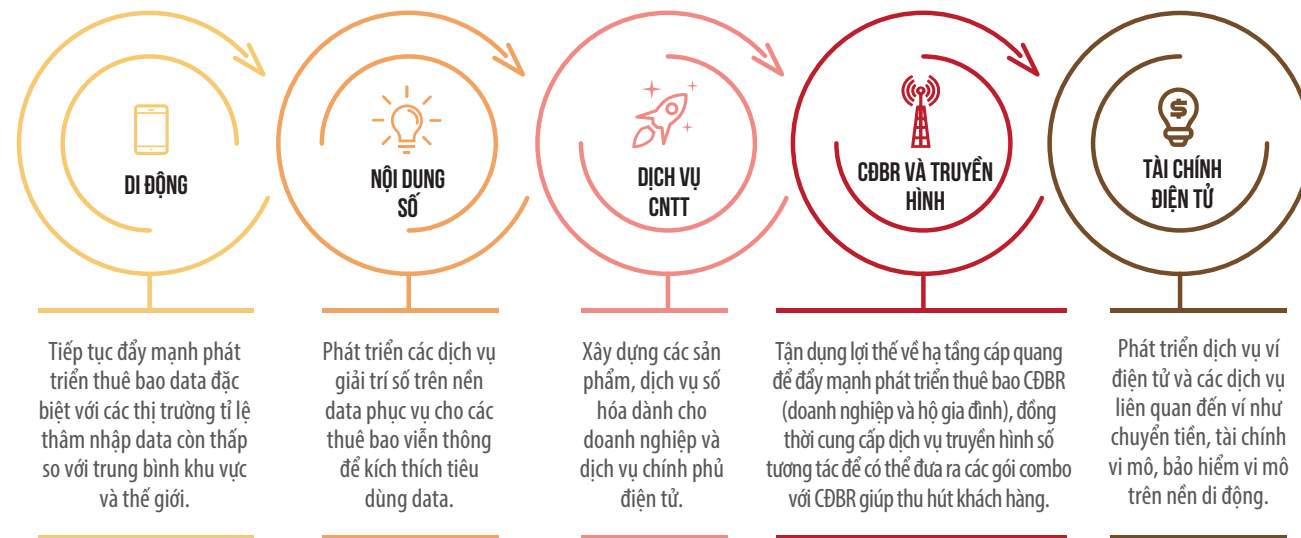
Triển khai chuyển đổi số của Tổng Công ty Viettel Global và các Công ty thị trường theo 5 trụ chính:



Trong đó chuyển đổi thông tin với hệ thống dữ liệu tập trung Big data và phân tích dữ liệu là trung tâm.

CHUYỂN DỊCH VỀ DỊCH VỤ CUNG CẤP TỚI KHÁCH HÀNG

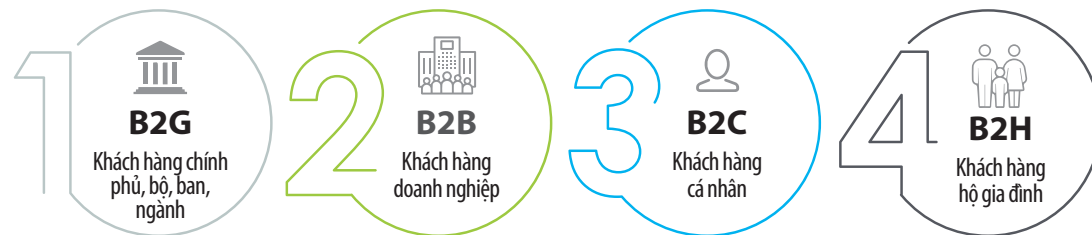
Duy trì vị thế dẫn đầu về Công nghệ và Công nghệ thông tin. Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ theo 5 hướng chính bao gồm:



Lựa chọn các lĩnh vực phù hợp để phát triển kinh doanh ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc trưng của từng thị trường.

CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC VỀ TẬP KHÁCH HÀNG

Phân chia khách hàng thành các nhóm bao gồm:



Dựa trên quy mô (số lượng và giá trị), tiềm năng phát triển và hành vi của khách hàng để phân chia các nhóm thành các phân khúc khác nhau và đưa ra các dịch vụ phù hợp, thiết thực từ 5 hướng chính của hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ. Mỗi phân khúc khách hàng sẽ là một đơn vị kinh doanh (Business Unit) với mục tiêu lỗ và lãi rõ ràng để có thể khai thác triệt để tập khách hàng và kinh doanh hiệu quả.

CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC TỐI ƯU HOÁ ĐẦU TƯ

Thận trọng, chắc chắn trong việc lựa chọn, quyết định xúc tiến, mở rộng thị trường mới khi có cơ hội. Bên cạnh việc tìm kiếm mở rộng đầu tư thêm thị trường mới, Viettel Global nghiên cứu các phương án đầu tư, mua bán sáp nhập với các công ty công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của Viettel Global và các công ty thị trường để đa dạng hoá hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ, củng cố lợi thế cạnh tranh cho các thị trường hiện tại.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

◆ NHẬN ĐỊNH CHUNG

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐÃ TẠO ĐỘNG LỰC THúc ĐẨY CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0, ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÚP THÁO GỖ NHỮNG VẤN ĐỀ THẾ GIỚI ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT TRONG ĐẠI DỊCH.

Năm 2020 kinh tế thế giới rơi vào cuộc đại suy thoái lớn nhất từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2, GDP toàn cầu giảm 4% (nguồn: báo cáo IMF 2020) do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Cùng với sự cạnh tranh liệt giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới, tạo nên tác động kép đối với nền kinh tế thế giới chưa từng có từ trước tới nay.

Ngành Viễn thông toàn cầu năm 2020 không nằm ngoài xu thế chung khi suy giảm về cả doanh thu và hoạt động đầu tư. Những khó khăn của đại dịch Covid 19 đã tạo động lực thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thay đổi cách làm, cách giao tiếp, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số giúp tháo gỡ những vấn đề thế giới đang phải đối mặt trong đại dịch.

Các Chính phủ, doanh nghiệp có xu hướng chuyển dịch đầu tư mạnh mẽ cho chuyển đổi số để có sức bật sau bình thường hóa đại dịch. Năm bắt những cơ hội này, các thị trường của Viettel đầu tư đã tích cực tận dụng, sáng tạo, linh hoạt chuyển đổi hình thức kinh doanh, linh hoạt sáng tạo trong phương thức làm việc, đẩy mạnh cung cấp các giải pháp dịch vụ, nền tảng chuyển đổi số giúp khách hàng tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, vượt qua khủng hoảng giúp Tổng Công ty Viettel Global đạt được các kết quả tốt nhất từ trước đến nay, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất thông qua.

◆ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DO ĐHĐCĐ GIAO

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty đã triển khai các hoạt động theo chức trách quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và ủy quyền của Đại hội Đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”). Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thường niên 2020 ủy quyền/giao như sau:

- Thông qua việc bảo lãnh khoản vay cho Mytel (Viettel tại Myanmar): vay Ngân hàng TPBank, hạn mức Mytel vay là 40 triệu USD, Viettel Global bảo lãnh 49% (tương đương khoảng 19,6 triệu USD). Hiện tại Mytel và Viettel Global đã ký hợp đồng với ngân hàng và đang thực hiện các thủ tục để giải ngân khoản vay này cho Mytel.

- Thực hiện sáp nhập Công ty TNHH Viettel Overseas vào Tổng Công ty: do có nhiều thủ tục phát sinh tại Việt Nam và Haiti nên thời gian thực hiện thủ tục kéo dài. HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2021.

◆ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

NĂM 2021 LÀ NĂM HỨA HẸN SẼ TIẾP TỤC CHỨNG KIẾN SỰ PHÁT TRIỂN NHANH CỦA CÔNG NGHỆ

Trong năm 2021, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ đạt mức 4% khi các quốc gia triển khai tiêm đại trà vắc-xin ngừa Covid-19. Tuy nhiên, nếu tình hình diễn biến bất lợi, dịch bệnh tiếp tục gia tăng và việc triển khai vắc-xin bị trì hoãn, mức tăng trưởng toàn cầu có thể giảm xuống 1,6%. Ngược lại, đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể đạt gần 5% trong năm 2021 nếu thế giới kiểm soát đại dịch hiệu quả.

Dù vậy, năm 2021 là năm hứa hẹn sẽ tiếp tục chứng kiến sự phát triển nhanh của công nghệ đặc biệt các lĩnh vực có sử dụng công nghệ AI, thương mại hóa công nghệ 5G và việc kết nối, khai thác dữ liệu lớn. Viễn thông thế giới tiếp tục chuyển dịch mạnh từ thoại sang Data. Cách mạng 4.0 tiếp tục bùng nổ phát triển các dịch vụ IOT, mua bán thanh toán online, mạng xã hội, dịch vụ nội dung số hỗ trợ mạnh mẽ sau thời kỳ bình thường mới sau khủng hoảng. Nhu cầu sử dụng Data, Internet, các sản phẩm, dịch vụ, nền tảng giải trí từ xa, đặc biệt thương mại điện tử và thanh toán online sẽ bùng nổ do dự kiến hết 2022 mới có thể triển khai việc tiêm vắc xin toàn cầu.

Bối cảnh nói trên là thời cơ để các Công ty thị trường chủ động thúc đẩy các giải pháp phát triển viễn thông và viễn thông mở rộng, xây dựng chuỗi sản phẩm liên kết hỗ trợ tăng trưởng và gìn giữ khách hàng, gia tăng hiệu quả của dự án và duy trì vị thế dẫn đầu về mặt công nghệ và hành vi khách hàng. Tiếp tục bám sát định hướng của Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đó, HĐQT đặt ra mục tiêu, phương hướng hoạt động cho Tổng Công ty Viettel Global trong năm 2021 như sau:

Tập trung vào hiệu quả của dự án

- Đầu tư dựa trên mục tiêu tài chính rồi mới xem xét đến tín hiệu thị trường, kiểm soát giá trị đầu tư theo khấu hao
- Tối đa hoá doanh thu trên mỗi khách hàng thông qua việc đồng hành cùng khách hàng trên mỗi nhu cầu của họ.
- Tối ưu hoá chi phí hoạt động dựa trên: tinh gọn bộ máy, ứng dụng công nghệ và tiêu chuẩn hoá quy trình.

Kinh doanh

- Tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu SXKD năm 2021 (Duy trì sự đóng góp chủ đạo của Viễn thông, tăng cường các hoạt động chuyển đổi số. Đẩy mạnh kinh doanh các lĩnh vực mới như dịch vụ số cho khách hàng cá nhân, giải pháp CNTT và dịch vụ số cho khách hàng Chính phủ và doanh nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng).
- Viễn thông đóng vai trò chủ đạo tối đa hoá lợi nhuận, ưu tiên đầu tư vào chuyển đổi công nghệ. Dịch vụ số là nguồn động lực mới cho tăng trưởng doanh thu.

Quản trị danh mục đầu tư

Tiếp tục tìm kiếm thị trường mới đáp ứng đủ các yếu tố môi trường, vĩ mô tốt, ổn định, thị trường có tiềm năng tăng trưởng tốt, thuận lợi trong đầu tư (như quý tần số). Tổ chức xúc tiến, hoàn thiện các thủ tục M&A thị trường theo chiến lược 2021-2025 đã hoạch định.

Tài chính

Thực thi các hoạt động kinh doanh trên cơ sở thượng tôn pháp luật của nước sở tại. Tiếp tục triển khai các hoạt động pháp lý cần thiết để giải quyết các vụ việc còn tồn tại.

Tuân thủ

Thực thi hoạt động đầu tư, kinh doanh đảm bảo tuân thủ pháp luật về đầu tư ra nước ngoài và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

◆ MỤC TIÊU

- Bám sát mục tiêu năm 2021 theo lộ trình chiến lược phát triển 5 năm, giai đoạn 2021-2025 đối với các mục tiêu hoàn vốn, mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu doanh thu. Duy trì lợi nhuận ở mức hai con số, tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài hiệu quả nhất.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển đổi số toàn diện, ưu tiên trong lĩnh vực CNTT, tại Tổng Công ty và các thị trường nước ngoài, hướng đến chuyển đổi Viettel Global thành công ty toàn cầu, tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số.
- Chuyên nghiệp hóa hoạt động giám sát, quản lý các thị trường đầu tư, đảm bảo bộ máy hoạt động chuyên nghiệp bài bản trên tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Nâng cao hình ảnh thương hiệu cho các công ty thị trường, Viettel Global thông qua triển khai các chiến dịch nhận diện thương hiệu và các giá trị thương hiệu trong tâm trí khách hàng, đóng góp cùng Tập đoàn khẳng định vị thế là nhà mạng Viễn thông số một tại Đông Nam Á, Top 500 thương hiệu giá trị nhất toàn cầu.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tối ưu tại công ty thị trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

◆ CHỈ TIÊU CẦN ĐẠT ĐƯỢC

Về kinh doanh

Dựa trên diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu và ngành Viễn thông thế giới, tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2021, duy trì mức tăng trưởng:

- **Tổng doanh thu hợp nhất:** trên 20.000 tỷ đồng (tương đương năm 2020).
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** duy trì đạt dương đến tương đương năm 2020.
- **Thuê bao:** tăng trưởng 3 triệu thuê bao

Về định hướng chiến lược kinh doanh

- Đa dạng hóa nguồn doanh thu, nâng tỉ lệ dịch vụ số/tổng doanh thu di động truyền thống so với năm 2020; Mở rộng danh sách các thị trường đứng đầu về thuê bao lên 5 thị trường (Myanmar, Lào, Campuchia, Timor-Leste, Burundi); Đứng đầu về thuê bao data lên 5 thị trường (Mozambique, Myanmar, Lào, Campuchia, Timor-Leste).
- Mở rộng hệ sinh thái của Ví điện tử, đa dạng hoá dịch vụ có thể sử dụng trên ví và mở rộng quy mô thanh toán của ví (liên kết với Thương mại điện tử). Xây dựng các dịch vụ mới từ dữ liệu khách hàng của Ví điện tử.
- Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ theo 5 hướng chính bao gồm: Di động, Cố định băng rộng, Tài chính điện tử, Dịch vụ CNTT, Nội dung số. Lựa chọn các lĩnh vực phù hợp để phát triển kinh doanh ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc trưng và tiềm năng phát triển của từng thị trường

Về tài chính, đầu tư, chỉ tiêu hiệu quả

- Duy trì dòng tiền thu về Việt Nam ổn định ở mức 5.700 - 6.900 tỷ VNĐ (250 - 300 triệu USD).
- Thực hiện bảo đảm nguồn vốn cho Viettel Global, đảm bảo cho các hoạt động đầu tư, phát triển
- Mở rộng và tăng quy mô giá trị tài sản song song việc thực hiện tối ưu chi phí Capex, Opex đối với tất cả Công ty thị trường và tại Viettel Global.


BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT


Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 08 cuộc họp định kỳ và 03/03 thành viên Ban Kiểm soát đương nhiệm tham gia đầy đủ; các nội dung được thảo luận tập thể, đi đến thống nhất cao, các nội dung tại cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành.


Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Tổng Công ty, Ban điều hành cũng đã mời Ban Kiểm soát tham các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Tổng Công ty để Ban Kiểm soát có thể kịp thời nắm bắt các thông tin trong các hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Các kết quả giám sát của Ban Kiểm soát được thông báo tới HĐQT và Ban điều hành kịp thời, đầy đủ. HĐQT, Ban điều hành đã tiếp thu các ý kiến giám sát, và đã chỉ đạo các cơ quan chức năng của Tổng Công ty lập kế hoạch khắc phục chi tiết, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn quy định.

◆ NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

- 

Giám sát và đánh giá hoạt động quản lý của HĐQT: Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng thủ tục, thẩm quyền phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, có nội dung phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- 

Giám sát và đánh giá hoạt động của Ban điều hành: Với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.
- 

Giám sát những hoạt động quản lý, điều hành và tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Cụ thể: thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty; Thẩm định báo cáo của HĐQT; Thẩm định báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Thẩm định kết quả thực hiện các giao dịch của Tổng Công ty, các công ty con với những người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; Đánh giá về công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận chức năng của Tổng Công ty với BKS; phối hợp giữa BKS với các cổ đông.

◆ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

Bằng những hoạt động liên tục và thường xuyên, BKS không nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án, hoạt động tài chính của Tổng Công ty trong suốt năm 2020. BKS cũng không nhận được bất kỳ đề nghị nào gửi BKS từ phía các cổ đông. Mọi hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Chế độ kế toán của Tổng Công ty tuân theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Tổng Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị tới Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Tổng Công ty như sau:

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo Tổng Công ty đạt được các kết quả theo đúng chiến lược phát triển và mục tiêu tài chính, kế hoạch kinh doanh đã xây dựng.

- Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tối ưu trong việc giải quyết các vấn đề tại thị trường Cameroon, chuyên nghiệp hóa trong các lĩnh vực hoạt động của các công ty thị trường.
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản lý, điều hành, ra quyết định sản xuất kinh doanh để đảm bảo nhận diện đầy đủ các rủi ro tiềm tàng, các rủi ro tuân thủ, và đảm bảo xây dựng các chốt kiểm soát phù hợp, hiệu quả trong việc giảm thiểu ảnh hưởng của các rủi ro.
- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ các công ty thị trường trong việc đảm bảo nguồn vốn, tối ưu dòng tiền thu hồi công nợ, thu hồi lợi nhuận về Việt Nam.
- Tập trung điều hành các công ty thị trường lập kế hoạch sử dụng, xử lý hàng tồn kho, kiểm soát tốt hiệu quả đầu tư mua sắm để tối ưu nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Nghiên cứu, tìm hiểu và xúc tiến các hoạt động mua bán sáp nhập một số thị trường khi có cơ hội theo đúng định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Tổng Công ty.
- Đẩy mạnh các hoạt động số hóa, chuyển đổi số, nâng mức trưởng thành trong thang điểm chuyển đổi số của Tổng Công ty.

◆ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Năm 2021, BKS sẽ tiếp tục phấn đấu hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được quy định:

- Thực hiện giám sát các hoạt động của HĐQT: Công tác tổ chức cuộc họp, biểu quyết, hình thức ra quyết định, nội dung của nghị quyết có tuân thủ pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Tổng Công ty.
- Thực hiện giám sát hoạt động quản lý của Ban điều hành: Việc thực hiện theo phân cấp, uỷ quyền, tuân thủ các chiến lược, nghị quyết mà ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.
- Thẩm định BCTC 6 tháng và năm 2021 của Tổng Công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng chế độ và chuẩn mực kế toán trong công tác hạch toán, lập và trình bày BCTC của Tổng Công ty.
- Giám sát tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng Công ty. Trong đó tập trung giám sát công tác vận hành bộ máy quản trị rủi ro 3 lớp kiểm soát mà Tổng Công ty đã xây dựng.
- Giám sát các hoạt động quản lý đầu tư vốn, thu hồi vốn, cho vay, công tác mua sắm, thực thi các chế độ, chính sách pháp luật và các quy định nội bộ của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, giám sát trực tiếp các Công ty: Viettel Campuchia, Viettel Mozambique, Viettel Myanmar khi tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát và mở cửa hoạt động hàng không theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các yêu cầu đột xuất của ĐHĐCĐ, HĐQT, cổ đông (nếu có).



BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

◆ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Viettel Global được cải thiện tốt nhờ tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Viễn thông, giảm bớt hoạt động mua bán thiết bị có tỷ suất lợi nhuận thấp.

Viettel Global tiếp tục đạt kết quả ấn tượng khi tất cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính đề ra đều hoàn thành và tăng trưởng so với năm 2019, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 37,3% (tăng đáng kể so với mức 35,7% của năm 2019 và 31,4% của năm 2018). Đặc biệt, một số thị trường có tốc độ tăng trưởng rất tốt như Metfone (tại Campuchia), Mytel (Myanmar), Lumitel (Burundi), Halotel (Tanzania)...

Tất cả các chỉ tiêu chính đều hoàn thành kế hoạch đặt ra:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 22.246 tỷ đồng, tăng trưởng 15,4% so với thực hiện năm 2019, hoàn thành mục tiêu đề ra (năm 2020 mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10 - 15%).
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.200 tỷ đồng, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận hợp nhất dương năm 2020. Tăng trưởng tốt hơn rất nhiều so với năm 2019 (năm 2019 lợi nhuận 10,9 tỷ đồng).
- Dòng tiền về năm 2020 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với hơn 7.735 tỷ đồng (tương đương 332,8 triệu USD), hoàn thành 123% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2019.

Kết quả SXKD tại các công ty thị trường đều khởi sắc, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung của Viettel Global

Các thị trường Châu Á tăng trưởng ổn định khi 3/4 thị trường tiếp tục củng cố thị phần số 1 (Metfone tại Campuchia, Unitel tại Lào, Telemor tại Timor-Leste), Mytel tại Myanmar nhanh chóng vươn lên vị trí số 2 chỉ sau hơn 2 năm kinh doanh. Mytel đạt 10,6 triệu thuê bao, trở thành nhà mạng lớn thứ 2 tại Myanmar với thị phần 30,8%. Metfone duy trì vị trí số 1 về Viễn thông tại Campuchia với thị phần 41,8%. Unitel vẫn giữ vững thị phần về thuê bao với 57% và cũng là nhà mạng đầu tiên được cấp phép Ví điện tử chính thức tại Lào. Telemor thuê bao data tăng thêm vượt kế hoạch đề ra, mở rộng vùng phủ và dung lượng 4G nâng mật độ phủ dân toàn quốc từ 55% lên 65%.

Thị trường Châu Phi kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt nhất trong 3 năm trở lại đây; Là khu vực tăng trưởng Data nhanh nhất trong các khu vực Viettel đầu tư: Thuê bao Data tăng trưởng 27%; Doanh thu Data tăng trưởng 54,8%. Halotel tại Tanzania là thị trường cũ đang kinh doanh có tốc độ tăng trưởng Doanh thu dịch vụ cao nhất với 27% (chỉ sau thị trường mới Mytel là 51%); Thuê bao đạt mốc 4,2 triệu và thuê bao ví đạt mốc 2 triệu. Movitel tại Mozambique duy trì tăng trưởng doanh thu dịch vụ trên 20% trong 2 năm liên tiếp. Lumitel trở thành nhà cung cấp hệ sinh thái dịch vụ thanh toán số đứng đầu tại Burundi với 50% thuê bao di động là thuê bao ví.

Thị trường Châu Mỹ vẫn duy trì được tăng trưởng trong mọi khó khăn. Natcom tại Haiti đạt mốc thuê bao cao nhất trong vòng 8 năm kinh doanh với 2,7 triệu thuê bao lũy kế; Doanh thu dịch vụ duy trì tăng trưởng 2 con số trong 4 năm liên tiếp.

◆ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Với những định hướng rõ ràng và mục tiêu cụ thể từ Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Tổng Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trong năm 2021 với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm chính như sau:

Mục tiêu:

Dựa trên diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu và ngành Viễn thông thế giới. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 duy trì ở mức tương đương kết quả thực hiện năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt dương đến phần đầu tương đương năm 2020 (khi thị trường có chuyển biến tích cực):

- **Tổng doanh thu hợp nhất:** tương đương năm 2020 (trên 20.000 tỷ VND)
- **LNTT hợp nhất:** duy trì đạt dương đến tương đương năm 2020.
- **Duy trì dòng tiền thu về Việt Nam** ổn định ở mức 5.700 - 6.900 tỷ VND (~250 - 300 triệu USD).
- **Thuê bao:** tăng trưởng 3 triệu thuê bao
- Tập trung chuyển đổi số toàn diện trong phát triển các sản phẩm, dịch vụ và công tác quản trị nội bộ. Đa dạng hóa các ứng dụng và dịch vụ số để kích thích tiêu dùng dữ liệu và gắn kết khách hàng.
- Mở rộng hệ sinh thái của Ví điện tử, đa dạng hoá dịch vụ có thể sử dụng trên ví và mở rộng quy mô thanh toán của ví (liên kết với Thương mại điện tử). Xây dựng các dịch vụ mới từ dữ liệu khách hàng của Ví điện tử.

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

- Xây dựng kế hoạch định hướng chuyển đổi số của Viettel Global giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện.
- Nghiên cứu, tìm hiểu và xúc tiến M&A một số thị trường khi có cơ hội.
- Rà soát, điều chỉnh và xây dựng lại mục tiêu tài chính của các Công ty thị trường đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tối ưu nhân sự tại các thị trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Đảm bảo nguồn vốn cho các thị trường và kế hoạch chuyển tiền về Việt Nam.

Giải pháp thực hiện

• Tăng cường giám sát, quản trị

- ▶ Tổ chức bộ máy theo định hướng khách hàng, linh hoạt, tinh gọn và đón đầu tương lai, đảm bảo các vai trò: (1) Duy trì tầm nhìn, chiến lược, văn hoá và bản sắc Viettel; (2) Xây dựng các mục tiêu và giám sát quá trình triển khai thực hiện mục tiêu; (3) Ban hành các hướng dẫn vận hành; (4) Thúc đẩy quản lý và chia sẻ chi thức.

• Tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường quan hệ cổ đông

- ▶ Tuân thủ pháp luật nước sở tại trong suốt quá trình đầu tư, kinh doanh. Duy trì tốt quan hệ với cổ đông nước tiếp nhận đầu tư để phối hợp trong công tác quản trị và điều hành công ty, thuê tư vấn của các chuyên gia, học tập kinh nghiệm của các Tập đoàn, tổ chức khác để áp dụng hiệu quả cho các thị trường Viettel Global đầu tư.

• Giải pháp về tài chính, đảm bảo nguồn vốn

- ▶ Nghiên cứu, sử dụng linh hoạt các giải pháp, sản phẩm tài chính nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại Công ty mẹ.
- ▶ Giám sát tình hình thực hiện các dự án, tình hình thu hồi vốn bám theo mục tiêu tài chính các thị trường.
- ▶ Đánh giá hiệu quả đầu tư khi phát sinh nhu cầu đầu tư mới tại các thị trường.

• Tối ưu và chuẩn hóa nguồn nhân lực

- ▶ Xây dựng khung năng lực, lựa chọn, tổ chức đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn “người Viettel toàn cầu” đồng thời đánh giá, thải loại lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc.
- ▶ Hoàn thiện chính sách tiền lương của Công ty mẹ Viettel Global và các thị trường, đảm bảo công bằng nội bộ, có tính cạnh tranh cao so với mặt bằng chung.

• Giải pháp về phát triển thị trường, quản trị thương hiệu

- ▶ Nâng cao hình ảnh thương hiệu của Viettel Global và các Công ty thị trường: triển khai các chiến dịch để nâng cao nhận diện thương hiệu và các giá trị thương hiệu trong tâm trí khách hàng.
- ▶ Đánh giá, tìm cơ hội hợp tác, mua bán, sáp nhập với các công ty Viễn thông về ICT và nội dung số phù hợp với hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của Công ty thị trường.

• Quản lý, điều hành kinh doanh

- ▶ Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ theo 5 hướng chính bao gồm: Di động, Cố định băng rộng, Tài chính điện tử, Dịch vụ CNTT, Nội dung số. Lựa chọn các lĩnh vực phù hợp để phát triển kinh doanh ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc trưng và tiềm năng phát triển của từng thị trường.
- ▶ Kinh doanh định hướng khách hàng: phân chia phân khúc khách hàng và dựa trên hành vi của khách hàng để đưa ra các dịch vụ phù hợp, thiết thực từ 5 trụ chính về sản phẩm, dịch vụ.
- ▶ Tối đa hoá doanh thu trên mỗi khách hàng: Nghiên cứu hành vi của từng nhóm khách hàng để đưa ra các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng nhu cầu.
- ▶ Đẩy mạnh truyền thông hình ảnh thương hiệu của các Công ty thị trường trên phương tiện truyền thông quốc tế, các trang thông tin uy tín của ngành viễn thông.

◆ GIẢI TRÌNH CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Về ý kiến ngoại trừ đối với việc không hợp nhất số liệu tài chính của Công ty Viettel Cameroon (“VCR”) trên báo cáo tài chính hợp nhất và trình bày khoản đầu tư vào VCR trên khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Về ý kiến ngoại trừ đối với khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu ngắn hạn khác với VCR với tổng số tiền 8.389 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.044 tỷ VND). Trong đó Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu VCR với số tiền 3.698 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.471 tỷ VND).

Chúng tôi xin được giải trình như sau:

Tổng Công ty VTG đã thận trọng áp dụng theo hướng dẫn tại Điểm b Điều 10 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất chuyển khoản đầu tư vào Công ty VCR từ khoản đầu tư vào công ty con sang khoản đầu tư dài hạn khác do đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty VCR chưa cung cấp được số liệu tài chính trên 12 tháng.

Ngoài ra, do Công ty VCR chưa cung cấp được số liệu tài chính và thư xác nhận nợ nên kiểm toán viên chưa có đủ cơ sở đánh giá Tổng Công ty Viettel Global có thể thu hồi tất cả các khoản nợ phải thu đối với VCR do đó kiểm toán viên đưa ý kiến ngoại trừ như trên.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, 01 lần lấy ý kiến các cổ đông, 16 cuộc họp HĐQT, 24 lần tổ chức phiếu lấy ý kiến và ban hành 40 Nghị quyết tương ứng. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều tuân thủ đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Tại các cuộc họp đó, HĐQT đã định hướng chiến lược và đưa ra các kế hoạch trung hạn như sau:

◆ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC KẾ HOẠCH TRUNG HẠN

Về chính sách

- Hoàn thành việc xin cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua chủ trương thành lập Công ty cấp 4 (Công ty Tài chính điện tử - Fintech) tại 07 thị trường, giúp thị trường có thêm công cụ quản lý tiền hàng hiệu quả, đa dạng nguồn doanh thu, củng cố và phát triển tập khách hàng hiện có.
- Hoàn thành việc xin phép các cơ quan Quản lý Nhà nước thông qua phương án mua ngoại tệ theo tỉ giá thực tế tại thị trường, góp phần giải quyết được vấn đề pháp lý trong việc chuyển đổi ngoại tệ, đảm bảo chỉ tiêu dòng tiền thu về Tổng Công ty.

Chiến lược chuyển dịch số dài hạn 2021-2025 của Tổng Công ty

Năm 2020 là năm bản lề cho chiến lược chuyển dịch số 2021-2025 với các hoạt động chuyển dịch chính như sau:

- Ứng dụng các hệ thống công nghệ vào hỗ trợ việc quản lý, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh (sử dụng phân tích dữ liệu lớn trong đánh giá hành vi khách hàng, cá thể hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu khách hàng, xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu tập trung tại Tổng Công ty hỗ trợ công tác quản trị, giám sát, điều hành).
- Xây dựng các giải pháp CNTT cho các cơ quan chính phủ (xây dựng hệ thống bầu cử tại Campuchia, hoàn thiện xây dựng hệ thống quản lý hộ tịch giai đoạn 1 tại Lào) và nhóm khách hàng doanh nghiệp.
- Xây dựng các dịch vụ nội dung số (game, nội dung giải trí số) trên nền data. Mục tiêu trở thành nhà cung cấp hàng đầu về dịch vụ game và tiên phong trong việc xây dựng cộng đồng game tại các thị trường (Mytel tại Myanmar dẫn đầu với 5,6 Tr TB game chiếm 65% thị phần, Metfone tại Campuchia tổ chức giải đấu E-sport có số lượng người theo dõi kỷ lục đạt 2,1 triệu lượt xem...).
- Xây dựng các nền tảng tài chính số (Mobile money, Ví điện tử) để tăng sự gắn kết của khách hàng di động, mở rộng tiện ích cho khách hàng (Mosan tại Timor Leste; Lumicash tại Burundi, Umoney tại Lào đang dẫn đầu về thị phần thuê bao Ví điện tử).
- Xây dựng hệ sinh thái dịch vụ số trên một siêu ứng dụng giúp kết nối cộng đồng khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh đối với đối thủ tại thị trường trong việc gắn kết khách hàng, đồng thời tạo nguồn doanh thu mới bên cạnh lĩnh vực viễn thông truyền thống (Ứng dụng My Unitel tại Lào, MYID tại Myanmar, Kakoak tại Timor Leste).

◆ DUY TRÌ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ

- HĐQT giao cho Ban điều hành duy trì kiểm soát các hoạt động đầu tư tại thị trường theo nguyên tắc thận trọng, tuân thủ lộ trình hoàn vốn, đảm bảo yếu tố tăng trưởng bền vững, cân nhắc tính hiệu quả của dự án theo hướng tập trung cho các công nghệ, dịch vụ mới, hạn chế hoặc dừng đầu tư công nghệ, dịch vụ cũ. Các thị trường chủ động về nguồn vốn đầu tư thông qua việc huy động vốn từ hoạt động kinh doanh hiệu quả, đàm phán với các nguồn tín dụng bản địa, triển khai đàm phán theo lô lớn, giám sát chặt chẽ tiến độ đầu tư không để tồn kho vật tư tài sản.

◆ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU

Năm 2020 giá trị cổ phiếu VGI đạt mức đỉnh mới 44.000 VND/1 cổ phiếu trên sàn Upcom (tăng gần 3 lần so với giá chào sàn). Với kết quả tích cực tăng trưởng lợi nhuận liên tục cũng như mức đỉnh doanh thu liên tục 3 năm liên tiếp. Tại thời điểm cuối năm, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Viettel Global đạt lần lượt là 59.004 tỷ và 30.269 tỷ đồng. Trên thị trường chứng khoán, vốn hóa thị trường của cổ phiếu VGI hiện dao động quanh mức 100.000 tỷ đồng, tăng hơn 30% so với cách đây một năm (tăng gần gấp 3 lần so với năm 2017).

◆ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Năm 2020, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tập trung điều hành và hỗ trợ tốt các thị trường hiện có, việc mở rộng thị trường mới được đánh giá một cách cẩn trọng và chỉ thực hiện khi thực sự có cơ hội đầu tư rõ rệt.

Về mặt công nghệ, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc đẩy mạnh triển khai thương mại hóa 5G tại các thị trường bị chậm lại, tuy nhiên các thị trường tập trung nguồn lực đầu tư củng cố nâng cao chất lượng mạng 4G, nhằm nâng cao hiệu suất, tăng vùng phủ, tối ưu hạ tầng hiện có, giảm chi phí đầu tư và đáp ứng tốt chiến lược chuyển dịch data, ngừng đầu tư và tiến tới bỏ các trạm sử dụng công nghệ 3G đặc biệt tại nhóm các thị trường dẫn dắt, có tập khách hàng sử dụng thiết bị đầu cuối 4G > 50% (Lào, Campuchia) hỗ trợ tích cực cho công tác chuyển đổi từ Viễn thông sang Công ty Viễn thông – dịch vụ số.

- Bổ sung tần số 4G:
 - ▶ Refarm tần số cho 4G tại Lào, Campuchia, Timor-Leste, Mozambique, Haiti và Peru.
 - ▶ Bổ sung tần số: Lào (30 Mhz 2300), Campuchia (10Mhz 2100), Burundi (10 Mhz 1800), Haiti (18 Mhz 700).

Chuyên nghiệp hóa, nâng cao chất lượng công tác Vận hành khai thác (VHKT) tiếp tục bám sát đúng kế hoạch thông qua kiểm soát VHKT tập trung tại Việt Nam lĩnh vực Công nghệ thông tin (CNTT), mạng lõi di động (Chuyển giao VHKT mạng core/IP, hệ thống vOCS, hệ thống NCMS/NPMS...), đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định của nước sở tại liên quan đến kiểm soát dữ liệu xuyên biên giới.

Tự động hóa, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ đẩy nhanh số hóa tại các thị trường, kinh doanh các dịch vụ mới B2B, Digital, đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng CNTT để giảm sự cố. Triển khai Cloud tại các thị trường phát triển. Tối ưu hóa các hệ thống CNTT sẵn có (hệ thống GBOC giám sát bán hàng, BCCS 3.0...) nhằm giảm tương tác thủ công, tăng hiệu quả quản lý, tiết giảm chi phí, tối ưu bộ máy nhân sự đồng thời chủ động các chiến lược chuyển dịch số toàn diện trong hoạt động SXKD, tạo không gian và dư địa mới cho tăng trưởng.

◆ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO GIÁM SÁT CỦA HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT trực tiếp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành bằng 40 Nghị quyết và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động bao gồm giám sát, kiểm soát đầu tư theo các mục tiêu tài chính đã được thông qua, tái cơ cấu công ty để hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, nổi bật là một số chỉ đạo sau:

- ▶ Thông qua các NQ về đầu tư cho các thị trường kịp thời.
- ▶ Phân cấp thẩm quyền số 13/NQ-HĐQT-VTG ngày 15/04/2020.
- ▶ Ban hành quy chế lương mới của Tổng Công ty.
- ▶ Thẩm định thông qua chiến lược 5 năm của Viettel Global và các thị trường.

- ▶ Tiến hành rà soát đề xuất nhân sự tham gia HĐQT và Người đại diện các Công ty thị trường.
- ▶ Đã tìm ra giải pháp giải quyết vấn đề khan hiếm ngoại tệ của Lumitel (tại Burundi) và Unitel (tại Lào).
- ▶ Đối với việc đầu tư tại thị trường Cameroon, HĐQT cũng đã có những định hướng để Ban điều hành tiếp tục giải quyết vấn đề mâu thuẫn với cổ đông sở tại.
- ▶ Đối với việc đầu tư tại thị trường Tanzania, mặc dù chính sách quản lý có nhiều khó khăn, nhưng HĐQT đã có đưa ra giải pháp, chỉ đạo để giải quyết các vấn đề trước mắt và lâu dài. Năm 2020 Halotel tăng trưởng rất tốt.

◆ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Năm 2020, việc chi trả thù lao HĐQT được thực hiện theo đúng mức, tính trên số ngày công thực hiện, đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thù lao cho Ban Điều hành HĐQT Tổng mức thù lao dự kiến chi trả 12 tháng của năm 2020 là: 1.156.320.000 đồng. Trong năm không phát sinh chi phí hoạt động của HĐQT.

◆ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Đánh giá thực hiện các mục tiêu năm 2020

Đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả: Năm 2020 kết quả kinh doanh khởi sắc toàn diện, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra và vượt xa so với kỳ vọng. Năm 2020 là năm tiếp tục có kết quả kinh doanh hiệu quả khi triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 22.246 tỷ đồng, tăng trưởng 15,4% so với thực hiện năm 2019, hoàn thành mục tiêu đề ra (năm 2020 mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10-15%).
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.200 tỷ đồng, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận hợp nhất dương năm 2020. Tăng trưởng tốt hơn rất nhiều so với năm 2019 (năm 2019 lợi nhuận 10,9 tỷ đồng).

Kết quả SXKD tại các thị trường đều khởi sắc:

- Các thị trường Châu Á tiếp tục tăng trưởng ổn định khi 3/4 thị trường tiếp tục củng cố thị phần số 1 (Metfone tại Campuchia, Unitel tại Lào, Telemor tại Timor-Leste), Mytel tại Myanmar nhanh chóng vươn lên vị trí số 2 chỉ sau hơn 2 năm kinh doanh;
- Thị trường Châu Mỹ (Natcom tại Haiti) duy trì tăng trưởng doanh thu dịch vụ >15% trong 4 năm liên tiếp.
- Các thị trường khó tại Châu Phi đều có chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả ấn tượng về tăng trưởng: Movitel tại Mozambique duy trì tăng trưởng doanh thu dịch vụ trên 20% trong 2 năm liên tiếp (trong khi đối thủ Vodacom chỉ tăng trưởng 3%); Halotel tại Tanzania đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ 27% - mức tăng trưởng rất cao chỉ đứng sau Viettel Myanmar. Công ty Lumitel tại Burundi duy trì vị thế số một về dịch vụ Ví điện tử, thị phần tiếp tục tăng trưởng (72% so với 62% năm 2019).

Đánh giá chung:

- Vai trò Người điều hành được thể hiện rõ thông qua việc lãnh đạo chuyển đổi mô hình hoạt động GSM (Giám sát, hỗ trợ, quản lý) giúp luồng vận hành công việc từ Viettel Global đến thị trường tường minh hóa, toàn trình, nâng cao hiệu lực vai trò GSM hoạt động sản xuất kinh doanh tại thị trường; Chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các thị trường triển khai hiệu quả các giải pháp đột phá về kinh doanh, để ứng phó và vượt qua ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19; Định hướng, chỉ đạo thực hiện các chuyển dịch phù hợp với định hướng đầu tư, xu thế công nghệ (tập trung phát triển thuê bao 4G, thuê bao Arpu cao khu vực thành thị, tập trung đẩy mạnh số hóa và chuyển dịch kinh doanh từ viễn thông truyền thống sang các sản phẩm số); Chỉ đạo các thị trường từng bước chuyển đổi thành công mô hình tổ chức sang định hướng khách hàng, tinh gọn, số hóa; Thực hiện outsource các công việc giản đơn ít đem lại giá trị để tối ưu bộ máy và tăng năng suất lao động; Thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn và hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động của Viettel Global, các thị trường; Điều hành có hiệu quả mục tiêu tài chính, quản trị chuyên nghiệp, chất lượng thông qua con người, công cụ, phương pháp, quy trình.

◆ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HĐQT GIAO

Thực hiện tốt với vai trò giám sát, quản trị thông qua người đại diện vốn của Tổng Công ty và các nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị tại các công ty thị trường. Bám sát các nội dung nghị quyết HĐQT giao. Tại Tổng Công ty, Người điều hành tập trung vào định hướng chiến lược, quản trị tài chính, tư vấn pháp lý, giám sát mục tiêu, hiệu quả đầu tư thông qua việc giao quyền chủ động cho thị trường trong hoạt động đầu tư, quản lý theo hiệu quả theo KPIs. Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình theo hướng tinh gọn, hiệu quả, xử lý dứt điểm các tồn tại pháp lý còn tồn đọng tạo cơ hội thị trường chủ động cách làm, tăng tính linh hoạt của thị trường, giảm thiểu các công việc của Tổng Công ty, tập trung vào công việc chính là hiệu quả đầu tư.

Người điều hành thực hiện điều hành sát sao các mục tiêu, chỉ tiêu được giao, đảm bảo hoàn thành ở mức cố gắng cao nhất.

Bên cạnh vai trò giám sát, quản trị thông qua người đại diện vốn của Tổng Công ty và các nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị tại các công ty thị trường, Người điều hành bám sát các mục tiêu chuyển dịch lớn đã định hướng theo chiến lược chung của TCT, tập trung tìm kiếm và nắm bắt các cơ hội mới trong khó khăn, linh hoạt sáng tạo trong phương thức làm việc, đẩy mạnh cung cấp các giải pháp dịch vụ, nền tảng chuyển đổi số giúp khách hàng tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, vượt qua khủng hoảng và bứt phá trong bối cảnh bình thường mới.

Năm 2020, Tổng doanh thu hợp nhất của Tổng Công ty Viettel Global đạt hơn 22 nghìn tỷ đồng, LNTT đạt hơn 1 nghìn tỷ đồng. HĐQT yêu cầu Người điều hành tiếp tục có những giải pháp, điều hành phù hợp để tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận bền vững trong năm 2021, giám sát thị trường Tanzania, Myanmar, Mozambique đảm bảo thực hiện đúng các kế hoạch theo mục tiêu tài chính đã phê duyệt.

QUẢN TRỊ RỦI RO

◆ VỀ TỶ GIÁ

Do vốn đầu tư của Viettel chuyển ra nước ngoài là ngoại tệ (USD) trong khi doanh thu tại các nước bản địa là đồng nội tệ nên kết quả kinh doanh của Viettel Global bị ảnh hưởng bởi cả rủi ro tỷ giá khi quy đổi doanh thu sang USD và rủi ro đánh giá lại tỷ giá các khoản công nợ ngoại tệ cuối kỳ. Thực tế, không dễ dàng để đo lường biến động lên xuống của tỷ giá, do vậy khi đồng tiền tại nước đầu tư mất giá so với đồng USD thì Tổng Công ty sẽ ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện, trích lập sổ sách đánh giá lại các khoản công nợ bằng ngoại tệ. Ngược lại, trong trường hợp đồng tiền tại nước đầu tư tăng giá, Tổng Công ty sẽ ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

Để giảm rủi ro tỷ giá, Viettel Global thực hiện và nghiên cứu nhiều giải pháp trực tiếp và gián tiếp khác nhau.

Các giải pháp trực tiếp như: vay vốn bằng đồng nội tệ để tránh tác động của lãi suất LIBOR và tỷ giá; tăng cường việc ký hợp đồng mua bán bằng đồng tiền nội tệ; sử dụng các hợp đồng phái sinh: forward, options...; hợp tác với các Ngân hàng để được ưu tiên mua USD chuyển về Việt Nam, đặc biệt chú trọng đối với các nước khan hiếm USD như Burundi, Haiti... Đối với 1 số thị trường biến động tỷ giá dự báo tiếp diễn dài hạn dẫn đến chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ gốc ngoại tệ lớn (do nợ vay cổ đông lớn), Viettel Global xem xét điều chỉnh lại tỷ lệ vốn điều lệ - nợ cổ đông hợp lý với điều kiện của từng thị trường, trong đó có việc chuyển một phần nợ cổ đông thành vốn chủ sở hữu để giảm thiểu trích lập dự phòng đánh giá lại tỷ giá.

Các giải pháp gián tiếp Viettel Global có thể sử dụng: (i) thuê tư vấn là cán bộ ngành Chính phủ, cập nhật thường xuyên cho Tổng Công ty các thay đổi về chính sách để chủ động có giải pháp phòng ngừa, (ii) xem xét khả năng phối hợp với các công ty xuất nhập khẩu các hàng hóa tại thị trường để hoán đổi đồng tiền.

◆ VỀ CHÍNH TRỊ

Là các rủi ro thay đổi chính quyền, xung đột chính trị giữa các đảng phái trong một quốc gia, môi trường chính trị thay đổi khi thay đổi đảng cầm quyền tại các quốc gia Viettel Global đầu tư v.v....

Tuy nhiên, quan điểm đầu tư của Viettel là giúp nâng tầm nền viễn thông của nước bạn, đem tới sự phát triển bền vững của một quốc gia. Vì vậy, Viettel Global luôn cam kết phủ sóng 95% dân số bao gồm cả các vùng sâu, vùng xa nghèo nàn, lạc hậu, với công nghệ cao (triển khai cáp quang, băng rộng chứ không dùng viba) nhằm đảm bảo tốc độ đường truyền cũng như chất lượng dịch vụ. Đồng thời, Viettel Global đều xây dựng những thương hiệu riêng cho mỗi thị trường, để mỗi Công ty mà Viettel đầu tư là thương hiệu của quốc gia đó, là Công ty của chính những người sở tại, là niềm tự hào của mỗi quốc gia đó.

Đồng thời, Viettel cũng triển khai nhiều chương trình xã hội mang lại lợi ích và đóng góp cho sự phát triển của nước bạn về giáo dục, y tế (cung cấp internet miễn phí), hỗ trợ người dân địa phương (phủ sóng vùng sâu, vùng xa) hoặc giúp xây dựng Chính phủ điện tử, v.v Đây là những lĩnh vực mà bất kỳ

Chính phủ nào cũng cần trong hoạt động điều hành và giúp an sinh xã hội, qua đó, giúp Viettel Global xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với đối tác và Chính phủ.

Ngoài ra, Viettel Global luôn tôn trọng các chính Đảng và đối Đảng, không theo Tôn giáo. Do vậy, ngay cả khi có biến động về chính trị hoặc xung đột giữa các đảng phái tại các nước Viettel Global đầu tư, mối quan hệ với chính quyền và các tầng lớp xã hội luôn được duy trì tốt để bảo toàn tài sản và kinh doanh bình thường.

◆ VỀ CHÍNH SÁCH

Doanh thu và lợi nhuận dự án viễn thông rất nhạy cảm với các thay đổi về chính sách. Tại một số nước Viettel Global đang đầu tư, rủi ro chính sách cho viễn thông đến từ việc thay đổi lãnh đạo theo nhiệm kỳ.

Để quản trị rủi ro này, Viettel Global luôn chủ động phối hợp, tham gia cùng với Bộ quản lý viễn thông của các nước đầu tư trong việc xây dựng các chính sách mới, chủ động đề xuất đưa các công nghệ mới vào phục vụ khách hàng, từ đó có những tham vấn và đề xuất có lợi cho Viettel Global, cho Chính phủ và cho khách hàng ngay từ thời điểm dự thảo chính sách.

Với việc chủ động đón đầu các chính sách mới, Viettel Global có thể ứng xử kịp thời và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động SXKD, biến những chính sách mới thành lợi thế để cạnh tranh với đối thủ tại các Công ty thị trường.

Bên cạnh đó, với quan điểm là một đại diện của Việt Nam tại nước sở tại, ngay từ khi xúc tiến đầu tư, Viettel Global cũng sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam đặt tại quốc gia đó. Nhờ vậy, Viettel Global có thể nhận được nhiều hỗ trợ về mặt luật pháp và chính trị như các thỏa thuận bảo hộ đầu tư hoặc đưa dự án đầu tư trở thành dự án hợp tác của quốc gia v.v..

◆ VỀ THỊ TRƯỜNG

Tại hầu hết các thị trường Viettel Global đầu tư, Viettel Global đều là nhà mạng vào sau, do vậy mức độ cạnh tranh rất cao. Các đối thủ của Viettel Global tại các thị trường hầu hết là các nhà mạng đứng đầu thế giới, có kinh nghiệm lâu năm làm viễn thông, tiềm lực tài chính lớn. Bài toán cạnh tranh trong kinh doanh đa dạng và rất gay gắt.

Để quản trị rủi ro này, Tổng Công ty luôn chủ động nghiên cứu, phân tích kỹ đối thủ, tìm lợi thế cạnh tranh riêng biệt, cách làm khác trong việc ban hành chính sách và chiến lược kinh doanh.

Viettel Global có thể biến bất lợi là nhà mạng đến sau thành lợi thế cạnh tranh, đó là, luôn tiên phong cung cấp công nghệ hàng đầu tại các quốc gia tham gia đầu tư.

Tại nhiều thị trường, các doanh nghiệp viễn thông hàng đầu thế giới và khu vực như Vodafone, Telefonica, Orange, Digicel... hầu như không đầu tư nhiều cho hạ tầng băng rộng cáp quang, vùng phủ sóng chỉ tập trung ở các thành phố lớn. Vì vậy, ngay khi mới có mặt Viettel Global đã tạo ra

vùng phủ dịch vụ sâu rộng khắp mọi vùng miền và luôn là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường về hạ tầng viễn thông với đường truyền cáp quang và băng thông rộng mà hạn chế viba nhằm đảm bảo tốc độ đường truyền cũng như chất lượng dịch vụ một cách lâu dài, ổn định.

Bên cạnh việc dẫn đầu về hạ tầng mạng lưới và vùng phủ sóng, Viettel Global cũng xây dựng chiến lược kênh phân phối rộng khắp đất nước để cung cấp dịch vụ viễn thông tới từng người dân. Chính sách bán hàng tận nhà (door-to-door) đã giúp các Công ty của Viettel Global đạt được sự hỗ trợ mạnh mẽ của người dân địa phương, nhờ dịch vụ và công ăn việc làm mà Viettel Global mang đến cho họ cũng như phổ biến dịch vụ của Công ty một cách nhanh chóng.

Mặt khác, việc mở rộng đầu tư ra nhiều quốc gia, giúp Viettel Global có thể dễ dàng mua các thiết bị viễn thông với giá rẻ hơn rất nhiều so với trước do đặt mua với số lượng rất lớn để lắp đặt cho tất cả các thị trường. Điều này trở thành một lợi thế của Viettel Global trong kinh doanh với chi phí đầu tư thấp hơn các doanh nghiệp khác.

◆ **VỀ SỰ KHÁC BIỆT VĂN HÓA (văn hóa kinh doanh, văn hóa bản địa)**

Rủi ro đến từ sự khác biệt về thị trường, rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, thủ tục pháp lý và tư duy của khách hàng và nhân tố con người, quy trình và hệ thống.

Để quản trị rủi ro trên, trước khi quyết định đầu tư, Tổng Công ty cử các đoàn chuyên gia của từng lĩnh vực kinh doanh, kỹ thuật, tài chính, pháp lý v.v nghiên cứu chi tiết về quốc gia chuẩn bị đầu tư (văn hóa, tập quán sinh hoạt, thói quen tiêu dùng của người dân...), báo cáo phân tích chi tiết nhằm tham mưu cho quyết định của lãnh đạo Tập đoàn. Khi thực thi, Tổng Công ty cử các cán bộ đã được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và môi trường kinh doanh trước khi đi nhận nhiệm vụ.

Tại mỗi thị trường đầu tư, Viettel Global cũng đã và đang tạo ra một văn hóa doanh nghiệp riêng, truyền cho nhân viên người sở tại sự nhiệt huyết, niềm tin vào công việc nhằm xây dựng một tập thể cùng chung chí hướng, xoá bỏ các mâu thuẫn về văn hoá.

Tổng Công ty cũng đã tổ chức các lớp đào tạo tiếng Việt và nghiệp vụ cho các nhân viên người nước ngoài. Qua quá trình học tập và cùng làm với các đồng nghiệp Việt Nam, các nhân viên sở tại sẽ quen và hiểu văn hóa cũng như tác phong làm việc của Việt Nam.

Ngoài ra, với các chương trình xã hội như cung cấp Internet tới trường học, mở tiệm miễn phí hay điện thoại nông thôn... được các Công ty của Viettel triển khai tại các thị trường đang đầu tư cũng đã giúp các Công ty thực sự trở thành mạng của người sở tại, phục vụ cho người sở tại.

Viettel Global cũng xác định việc sản xuất kinh doanh tại thị trường phải do người sở tại đảm nhiệm, ưu tiên các đối tác cung cấp thiết bị và dịch vụ là của địa phương để góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội nói chung. Triết lý kinh doanh và cách làm “nhập gia tùy tục” như trên đã giúp Viettel Global thu hẹp khoảng cách và khác biệt văn hoá.

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



🗨️ **Dựa trên chiến lược kinh doanh, Viettel Global xây dựng định hướng và chiến lược phát triển bền vững đảm bảo sự hài hòa của ba yếu tố: Tăng trưởng hiệu quả và bền vững, Có trách nhiệm với xã hội và Bảo vệ môi trường.** 🗨️

TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

◆ Đảm bảo hiệu suất kinh tế, tăng trưởng thường xuyên, ổn định

Năm 2020, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Viettel Global được cải thiện tốt nhờ tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Viễn thông, giảm bớt hoạt động mua bán thiết bị có tỷ suất lợi nhuận thấp. Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 37,3% (tăng đáng kể so với mức 35,7% của năm 2019 và 31,4% của năm 2018). Kết quả SXKD tại các công ty thị trường đều khởi sắc, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung của Viettel Global.

Thông tin chi tiết xem tại Báo cáo của Người điều hành – Mục V. Báo cáo hoạt động 2020 – Trang 36

◆ Đảm bảo an toàn và hiệu quả nguồn vốn

Để đảm bảo an toàn và hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động của Viettel Global và các thị trường, trong năm 2020, Viettel Global duy trì kiểm soát các hoạt động đầu tư tại thị trường theo nguyên tắc thận trọng, tuân thủ lộ trình hoàn vốn, đảm bảo yếu tố tăng trưởng bền vững, cân nhắc tính hiệu quả của dự án theo hướng tập trung cho các công nghệ, dịch vụ mới, hạn chế hoặc dừng đầu tư công nghệ, dịch vụ cũ.

Cùng với đó, các thị trường chủ động về nguồn vốn đầu tư thông qua việc huy động vốn từ hoạt động kinh doanh hiệu quả, đàm phán với các nguồn tín dụng bản địa, triển khai đàm phán theo lô lớn, giám sát chặt chẽ tiến độ đầu tư không để tồn kho vật tư tài sản.

Thông tin chi tiết xem tại Báo cáo của HĐQT – Mục V. Báo cáo hoạt động 2020 – Trang 30

◆ Sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển bền vững

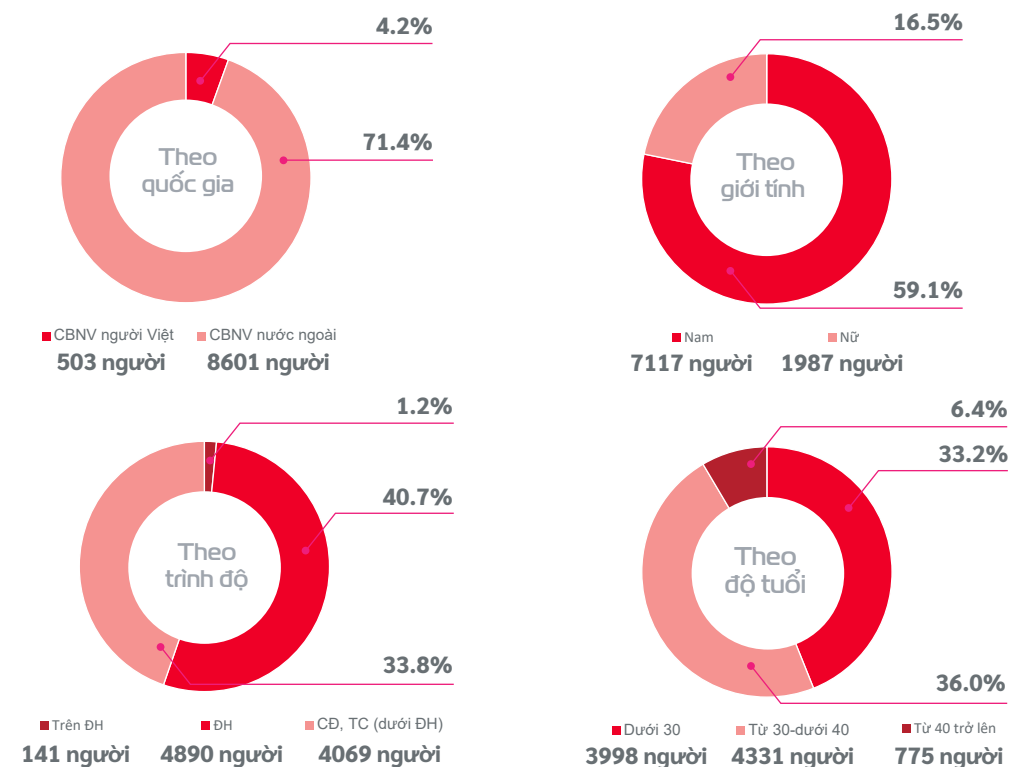
Tổng Công ty luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Tổng Công ty. Chính sách nhân sự của Viettel Global được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Viettel Global trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp cho doanh nghiệp, không phân biệt quốc tịch, độ tuổi, giới tính, trình độ. Tổng Công ty quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả các CBNV trong quá trình làm việc và tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy được tối đa năng lực.

Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Viettel Global là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty. Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Viettel Global tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Tổng Công ty đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, tiềm năng và thiện chí của mỗi ứng viên.

CƠ CẤU NHÂN SỰ VIETTEL GLOBAL NĂM 2020



Chế độ và điều kiện làm việc

Công tác đào tạo luôn được Tổng Công ty đặc biệt chú trọng và triển khai đào tạo trên nhiều phương diện như năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, văn hóa Viettel, kinh nghiệm làm việc thực tiễn.

Trong năm 2020, nhiều chương trình đào tạo trọng tâm, nâng cao năng lực, kỹ năng cho CBNV được Viettel Global tổ chức tại toàn bộ các thị trường nước ngoài đang đầu tư. Các hình thức đào tạo được đổi mới, ứng dụng công nghệ số tiên tiến khuyến khích CBNV không ngừng học hỏi, chủ động nghiên cứu học tập, phát triển kỹ năng, năng lực bản thân và nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng mục tiêu phát triển của Tổng Công ty.

Chính sách lương

Tổng Công ty có chế độ lương thưởng phù hợp với đặc trưng vị trí và công việc cụ thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật. Chính sách tiền lương Viettel Global xây dựng dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.

Chính sách thưởng

- Thưởng quý và thưởng năm
- Thưởng sáng kiến ý tưởng
- Thưởng khi có thành tích cao trong công việc

Chính sách phúc lợi

- Chính sách chăm sóc sức khỏe
- Chính sách du lịch nghỉ dưỡng
- Chính sách đặc biệt dành cho người thân của CBCNV

◆ Dẫn dắt thị trường viễn thông và duy trì vị thế dẫn đầu trên các lĩnh vực CNTT

Vị thế của Viettel Global ngày càng được củng cố và mở rộng. Sau 15 năm đầu tư ra nước ngoài, đến nay quy mô thị trường đã hoạt động tại 9 quốc gia (4 quốc gia châu Á, 4 quốc gia châu Phi và 1 quốc gia châu Mỹ), phục vụ hơn 57 triệu khách hàng quốc tế sử dụng dịch vụ di động, internet băng rộng, điện thoại cố định và không dây.

Vị thế của Viettel Global tại các quốc gia đang đầu tư

- Vị thế về hạ tầng: Đứng đầu về hạ tầng tại 7/9 thị trường.
- Vị thế về thuê bao: Tổng thuê bao đạt hơn 57 triệu thuê bao, thuộc top 30 công ty viễn thông trên Thế giới.
- Vị thế về thị phần: Đứng đầu về thị phần tại 4/9 thị trường. Trong đó, thị trường Myanmar (tên thương hiệu là Mytel) đạt 10,6 triệu thuê bao, vượt lên vị trí số 2 về thị phần thuê bao tại Myanmar sau 2 năm kinh doanh.
- Vị thế về công nghệ: Phát sóng thử nghiệm 5G tại các thị trường Campuchia, Myanmar, Lào tiếp tục giữ vững thế tiên phong về công nghệ.

CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

◆ Nâng cao vị thế của Việt Nam tại nước ngoài và quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới

Chiến lược đầu tư bền vững, cân bằng giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của chính phủ và người dân của Viettel nói chung và Viettel Global nói riêng được đặc biệt đánh giá cao tại các quốc gia đang đầu tư.

Viettel đã không ngại khó khăn để vươn tới những nơi xa xôi khó tiếp cận, tới những vùng trũng, thậm chí là trắng về công nghệ thông tin để phục vụ người dân sở tại, giúp người dân tiếp cận tri thức và phát triển. Người dân cũng như Chính phủ các nước mà Viettel đầu tư có thể thấy rõ công ty Việt Nam đến không chỉ làm kinh doanh mà thực sự mang những điều tốt đẹp, đóng góp cho đất nước họ. Cùng với đó, Viettel đem văn hóa, lịch sử, kiến thức, con người Việt Nam đến các nước bạn.

Có thể nói, tại các thị trường nước ngoài, tên gọi Viettel không còn là tên gọi của riêng doanh nghiệp mà gắn với hình ảnh một Việt Nam năng động, đổi mới, hiện đại, thân thiện, giàu lòng nhân ái tại các quốc gia Viettel đầu tư.



**CÁC BẠN ĐÃ CHỨNG MINH ĐƯỢC
THIỆN CHÍ VÀ TẤM LÒNG VỚI NGƯỜI
DÂN MOZAMBIQUE BẰNG CHÍNH
HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH**



Tổng thống Mozambique Armando Emilio Guebuza

Thông qua hoạt động đầu tư ra nước ngoài, Viettel đã khẳng định hình mẫu về một doanh nghiệp Việt dũng cảm, tiên phong, khao khát chinh phục thế giới, tạo nên những “kỳ tích viễn thông” tại nhiều quốc gia, ghi dấu ấn đậm nét của thương hiệu Việt trên toàn cầu

◆ Chung tay cùng cộng đồng phòng chống Covid-19

Với thế mạnh là doanh nghiệp viễn thông-công nghệ thông tin hàng đầu, Viettel Global đã tích cực hỗ trợ Chính phủ và người dân tại các quốc gia đang đầu tư để phòng, chống dịch COVID-19 theo nhu cầu của từng nước.

Nhờ đẩy mạnh chuyển đổi số tại 10 thị trường từ năm 2019, trong năm 2020, Viettel Global đã đẩy mạnh triển khai các giải pháp công nghệ thông tin hỗ trợ chính phủ các nước phòng chống dịch COVID-19 nhanh chóng. Viettel Global cam kết sẽ mang những công nghệ mới nhất, hiện đại nhất để phục vụ người dân gần như miễn phí trong công tác phòng chống dịch.

VIETTEL HỖ TRỢ CHỐNG DỊCH Covid-19

HỆ THỐNG CẦU TRUYỀN HÌNH CHO

148 quận
—• của Lào

18 tỉnh
thành phố



HỆ THỐNG TIN NHẮN TỰ ĐỘNG TỚI GẦN

30 triệu khách hàng
tại Campuchia, Timor, Lào, Myanmar,
Haiti, Peru, Mozambique



CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ Y TẾ TRỰC TUYẾN PHỤC VỤ

50 triệu người dân
tại Lào, Haiti, Mozambique



HỖ TRỢ THUỐC ĐIỀU TRỊ CHO 5 THỊ TRƯỜNG KHÓ KHĂN:

**Natcom; Bitel; Halotel;
Lumitel; Nexttel**



TẶNG



cho Bộ Y tế Peru

TẶNG



cho Trung tâm xử lý khủng hoảng Timor



Phát **20.000** khẩu trang
tại Timor và nhiều quốc gia khác



Tặng hơn **270.000** USD
cho công tác phòng dịch tại Lào thông qua
các thiết bị liên lạc và gói cước

HỖ TRỢ CHO GẦN
50 triệu
khách hàng quốc tế



Miễn phí cước truy cập Internet đối
với các dịch vụ giáo dục trực tuyến



Giảm **30% - 70%** giá cước
truy cập Internet



Tăng băng thông lên gấp **2-3 lần**
cho các khách hàng đang sử dụng
dịch vụ cố định băng rộng

◆ **Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho gần 10.000 người**

Năm 2020, trong bối cảnh kinh doanh gặp nhiều thách thức từ đại dịch Covid-19, Viettel Global vẫn tiếp tục đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho CBNV, đồng thời luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng lao động. 100% người lao động tại Viettel Global tham gia các thỏa ước lao động tập thể ở các cấp.

Trong suốt quá trình đầu tư, kinh doanh, Viettel Global luôn tuân thủ đúng, nghiêm các quy định của pháp luật tại các nước đầu tư về sử dụng lao động, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, nhằm đối phó với những ảnh hưởng to lớn mà Covid-19 mang lại cho người lao động, Viettel Global liên tục đưa ra các chính sách hỗ trợ mau chóng, kịp thời nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe và cuộc sống của người lao động như: triển khai làm việc từ xa tại tất cả các thị trường của Viettel Global, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và các bên liên quan, liên tục tổ chức các chuyến bay đưa nhân viên Viettel Global tại nước ngoài về nước an toàn và tuân thủ đúng các quy định về cách ly v.v

◆ **Thúc đẩy Chuyển đổi số tại các quốc gia đang đầu tư**

Ngày 28/7/2021, đánh dấu 1/4 thế kỷ Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) – Khu vực 10 quốc gia với mức tăng trưởng kinh tế năng động nhất thế giới với 6%/năm. Trong đó, Viettel đã trở thành nhân tố quan trọng góp phần thay đổi hạ tầng viễn thông của 5/10 quốc gia (bao gồm Việt Nam), góp phần thay đổi cơ hội công bằng số trên toàn khu vực. Không chỉ tiên phong kiến tạo xã hội số ở khu vực Đông Nam Á, tại châu Phi, châu Mỹ, Viettel Global cũng đã và đang làm điều tương tự.

Đối với các chính phủ các nước, Viettel Global hỗ trợ nhiều nền tảng xây dựng chính phủ điện tử hoặc công cụ quản lý, hạ tầng xã hội như cầu truyền hình, Internet trường học... Cụ thể: Xây dựng hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, hệ thống RTGS (Real Time Gross Settlement) và core banking - hệ thống đảm trách nhiệm vụ đối soát giao dịch giữa các ngân hàng với Ngân hàng Trung ương tại Lào; hệ thống quản lý văn bản điện tử cho Chính phủ Campuchia, Haiti; cung cấp dịch vụ internet và kênh truyền tại hầu hết các thị trường và cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho hệ thống thanh toán trực tuyến như nộp thuế tại Burundi.

Viettel Gobal đã và đang xây dựng và phát triển nhiều nền tảng, sản phẩm, giải pháp đa dạng giúp cộng đồng doanh nghiệp tại các thị trường nước ngoài nhanh chóng chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp số, tối ưu năng suất, tiết kiệm chi phí và thời gian, nổi bật là ở Campuchia, Lào, Myanmar...



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Viettel Global luôn xác định rõ tầm quan trọng của môi trường trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Tổng Công ty luôn nỗ lực hết sức để gìn giữ và cải thiện môi trường tại mỗi thị trường đang đầu tư.

Đồng thời, Tổng Công ty luôn thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường tới từng thành viên của mình và sau đó tới các bên liên quan như khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh.

Đối với hoạt động nội bộ, Tổng Công ty chú trọng vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

◆ **Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên tự nhiên:**

Viettel Global đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại trụ sở văn phòng của mình cũng như tại các thị trường nước ngoài đang đầu tư. Tổng Công ty đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm điện, kiểm soát tốt nguồn năng lượng và tài nguyên từ những hành động nhỏ bé nhất như: tắt điện, tắt đèn, tắt máy tính sau giờ làm/khi không sử dụng, tái sử dụng giấy đã in v.v

◆ **Kiến tạo khu làm việc xanh, gắn gũi thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.**

Tại trụ sở của Tổng Công ty Viettel Global, văn phòng được thiết kế với mục đích “xanh hóa” không gian làm việc, nâng cao sự kết nối giữa con người với thiên nhiên hướng tới nâng cao ý thức và thói quen “sống xanh” của cán bộ nhân viên.

Từ những thay đổi rất đổi giản đơn ngay trong không gian văn phòng làm việc, Viettel Global ghi nhận thấy nhiều lợi ích thiết thực mà một không gian làm việc xanh tạo ra:

- Giảm tác động tiêu cực tới môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.
- Xây dựng văn hóa xanh và giá trị xanh cho doanh nghiệp
- Tạo ra môi trường làm việc không gian mở, giúp mọi người dễ giao tiếp, tương tác và trao đổi với nhau hơn.
- Đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng suất làm việc của nhân viên, góp phần tăng trưởng doanh nghiệp.
- Nâng cao thương hiệu và uy tín cho tổ chức trong mắt khách hàng, các doanh nghiệp khác.



BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

VIETTEL
GLOBAL

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 58



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tào Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Nam	Thành viên
Bà Đào Thúy Hương	Thành viên
Ông Phan Trường Sơn	Thành viên
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Đỗ Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

Số: 1132/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vì chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của VCR. Do đó, Tổng Công ty đã không thực hiện hợp nhất số liệu tài chính của VCR trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến thời điểm và các ảnh hưởng của việc không hợp nhất số liệu tài chính của VCR ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 06, 07 và 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có số dư phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn hạn khác với VCR với tổng số tiền 8.389 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.044 tỷ VND). Tổng Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu trên và thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu VCR với số tiền 3.698 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.471 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu VCR nêu trên dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và được trình bày lại theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 06/TB-KTNN ngày 13 tháng 01 năm 2021 về kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng Công ty và kết quả thanh tra thuế tại Công ty TNHH Viettel Cambodia cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 4 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thu Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4664-2018-001-01

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.497.575.735.082	22.948.834.291.357
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.856.165.000.013	4.712.787.721.657
1. Tiền	111		4.768.398.045.331	3.458.980.268.467
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.766.954.682	1.253.807.453.190
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.657.717.545.976	5.691.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.657.717.545.976	5.691.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.855.418.148.502	8.692.392.420.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.286.617.378.632	4.160.043.769.502
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		371.085.516.044	410.749.701.417
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	5.548.116.866.798	3.917.372.211.290
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.639.581.049.036	2.880.075.825.434
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.989.998.596.631)	(2.676.494.500.504)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		15.934.623	645.413.645
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.138.636.342.185	2.643.020.996.421
1. Hàng tồn kho	141		2.194.119.461.614	2.708.303.678.146
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(55.483.119.429)	(65.282.681.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		989.638.698.406	1.209.633.152.495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	257.989.135.073	222.197.841.799
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	689.717.246.932	905.082.314.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	41.932.316.401	82.352.996.125

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.506.510.405.217	37.853.858.516.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.336.375.403.786	20.880.415.899.101
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	8.736.298.139.624	12.574.608.300.585
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	24.427.158.949
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	6.250.224.781.103	8.221.158.325.327
4. Phải thu dài hạn khác	216	8	349.852.483.059	60.222.114.240
II. Tài sản cố định	220		10.496.658.990.102	10.862.887.640.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.357.931.691.817	8.883.954.373.135
- Nguyên giá	222		28.060.225.975.058	25.800.055.323.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.702.294.283.241)	(16.916.100.950.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.138.727.298.285	1.978.933.267.504
- Nguyên giá	228		3.241.317.044.272	2.884.452.645.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.102.589.745.987)	(905.519.378.318)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.002.138.533.374	2.107.841.908.607
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.002.138.533.374	2.107.841.908.607
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.851.707.054.763	2.100.287.941.988
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	3.605.707.054.763	2.100.287.941.988
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	583.660.000	583.660.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(583.660.000)	(583.660.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	246.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.819.630.423.192	1.902.425.126.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	807.630.139.381	803.751.082.127
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	812.675.700.331	846.196.238.595
3. Lợi thế thương mại	269	18	199.324.583.480	252.477.805.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		59.004.086.140.299	60.802.692.808.156

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.136.483.471.331	32.404.748.291.229
I. Nợ ngắn hạn	310		16.819.782.611.408	16.890.107.868.584
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	5.550.166.296.807	6.198.822.053.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.042.424.734	26.271.654.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	842.427.958.271	927.674.007.138
4. Phải trả người lao động	314		135.511.247.334	158.767.635.325
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.980.665.538.119	1.581.141.454.573
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	190.171.211.955	108.576.750.214
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.586.813.436.408	918.094.038.198
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	6.356.072.982.731	6.857.360.497.063
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		61.358.878.276	63.883.912.917
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		105.552.636.773	49.515.865.628
II. Nợ dài hạn	330		12.316.700.859.923	15.514.640.422.645
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	1.681.297.498.601	2.693.405.494.650
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	21	33.241.034.411	48.057.752.765
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	1.176.236.980.283	993.220.114.017
4. Phải trả dài hạn khác	337	23	6.290.484.668	5.277.055.478
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	8.704.992.469.922	11.123.491.050.918
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	714.642.392.038	651.188.954.817
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.867.602.668.968	28.397.944.516.927
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	29.867.602.668.968	28.397.944.516.927
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		687.868.359.097	(175.624.117.353)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.931.215.853.294	2.525.017.240.930
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.775.164.167	9.775.164.167
5. Lỗ lũy kế	421		(3.804.036.426.626)	(3.955.879.540.565)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.316.444.154.790)	(3.307.603.511.853)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ) năm nay	421b		512.407.728.164	(648.276.028.712)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(395.332.280.964)	(443.456.230.252)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		59.004.086.140.299	60.802.692.808.156

(Chữ ký)

Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Cao Lợi
Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	19.005.578.830.222	17.104.078.017.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	43.281.502.320	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	18.962.297.327.902	17.104.078.017.253
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	11.891.122.800.056	11.001.317.420.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.071.174.527.846	6.102.760.597.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.481.513.572.030	1.732.744.133.870
7. Chi phí tài chính	22	33	3.249.244.774.433	2.041.911.057.850
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		814.958.881.041	953.638.243.131
8. Lãi từ Công ty liên kết	24	16	1.589.029.365.217	301.397.419.197
9. Chi phí bán hàng	25	34	1.872.356.059.945	1.559.871.621.745
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	3.507.689.041.333	4.468.529.832.900
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.512.427.589.382	66.589.637.767
12. Thu nhập khác	31	35	212.965.592.642	136.279.254.011
13. Chi phí khác	32	35	524.623.559.894	191.881.186.401
14. (Lỗ) khác (40 = 31-32)	40		(311.657.967.252)	(55.601.932.390)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.200.769.622.130	10.987.705.377
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	704.421.109.796	739.798.260.083
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	67.627.402.939	(183.379.972.765)
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		428.721.109.395	(545.430.581.941)
18.1. Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) của cổ đông của Công ty mẹ	61		559.514.693.788	(648.276.028.712)
18.2. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(130.793.584.393)	102.845.446.771
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	37	158	(233)

(Signature)

Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Cao Lợi
Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower
Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Trình bày theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.200.769.622.130	10.987.705.377
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	3.755.759.433.023	3.290.126.254.908
Các khoản dự phòng	03	1.301.179.499.190	2.637.440.130.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.801.846.458.542	324.188.951.915
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.662.545.368.150)	(1.342.419.510.473)
Chi phí lãi vay	06	814.958.881.041	953.638.243.131
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.211.968.525.776	5.873.961.775.265
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.470.536.628.004	(3.748.870.352.047)
Thay đổi hàng tồn kho	10	514.184.216.532	149.847.180.917
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(295.940.669.083)	4.734.333.457.153
Thay đổi chi phí trả trước	12	(39.670.350.528)	31.706.684.590
Tiền lãi vay đã trả	14	(779.448.945.297)	(974.924.947.004)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(641.109.736.954)	(328.917.003.546)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.635.500.871)	(44.125.679.715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.434.884.167.579	5.693.011.115.613
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.436.156.233.143)	(3.625.761.657.644)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	21.435.250.620	27.777.708.499
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.251.026.176.910)	(8.472.665.004.810)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.074.318.720.233	7.621.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(127.531.687.500)	(981.536.857.601)
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.058.617.837.527	1.134.045.930.443
7. Tiền giảm do không hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR")		-	(115.972.181.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.660.342.289.173)	(4.413.112.062.448)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Trình bày theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.944.348.672.331	8.651.570.336.875
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.926.087.971.273)	(8.765.984.713.154)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát	37	(186.949.433.103)	(68.918.828.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.168.688.732.045)	(183.333.204.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	605.853.146.361	1.096.565.848.224
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.712.787.721.657	3.682.289.581.648
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(462.475.868.005)	(66.067.708.215)
<u>Trong đó:</u>			
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(171.669.286.693)	(60.282.654.828)
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính		(290.806.581.312)	(5.785.053.387)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.856.165.000.013	4.712.787.721.657



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu




Nguyễn Cao Lợi
Kế toán trưởng

Đỗ Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, gọi tắt là "Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Tổng Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VGI từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (gọi tắt là "Tập đoàn"). Tổng Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.013 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bưu chính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là đầu tư và vận hành các mạng viễn thông ở nước ngoài và cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và đăng ký hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Viettel Overseas ("VTO") (i)	Việt Nam	100	100	Đầu tư và vận hành một mạng viễn thông NATCOM tại thị trường Haiti thông qua việc thành lập công ty con Natcom.
Công ty Viettel Timor, UNIP, LDA. ("VTL")	Đông Timor	100	100	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Telemor tại thị trường Đông Timor.
Công ty TNHH Viettel Cambodia ("VTC")	Campuchia	90	90	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Metfone tại thị trường Campuchia.
Công ty Movitel S.A. ("Movitel")	Mozambique	70	70	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Movitel tại thị trường Mozambique.
Công ty National Telecom S.A. ("Natcom") (ii)	Haiti	60	60	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Natcom tại thị trường Haiti.
Công ty Viettel Burundi S.A ("VTB")	Burundi	85	85	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Lumitel tại thị trường Burundi.
Công ty Viettel Tanzania ("VTZ")	Tanzania	99,99	99,99	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Halotel tại thị trường Tanzania.
Công ty E-Mola S.A. (iii)	Mozambique	67	96	Kinh doanh dịch vụ vi điện tử tại thị trường Mozambique.
Công ty Viettel E-commerce Tanzania ("VTE") (iv)	Tanzania	99,99	100	Kinh doanh dịch vụ vi điện tử tại thị trường Tanzania.
Công ty Lumicash SU (v)	Burundi	85	100	Kinh doanh dịch vụ vi điện tử tại thị trường Burundi.
Công ty Telemor Fintech Unipessoal, Lda ("TFU") (vi)	Đông Timor	100	100	Kinh doanh dịch vụ vi điện tử tại thị trường Đông Timor.
Công ty E-money Payment Solutions Public Limited ("E-money") (vii)	Campuchia	89	99	Kinh doanh dịch vụ vi điện tử tại thị trường Campuchia.
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Viễn thông Star ("STL")	Lào	49	49	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Unitel tại thị trường Lào.
Công ty TNHH Metcom ("Metcom") (viii)	Campuchia	44	49	Công ty liên kết của VTC, được thành lập và hoạt động tại Campuchia.
Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel")	Myanmar	49	49	Đầu tư mạng viễn thông tại thị trường Myanmar.

- (i) Hoạt động chính của Công ty TNHH Viettel Overseas là đầu tư và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Haiti thông qua việc thành lập công ty con là công ty National Telecom S.A. ("Natcom"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục để sáp nhập Công ty TNHH Viettel Overseas vào Công ty mẹ - Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 6 năm 2019.
- (ii) Công ty National Telecom S.A. là công ty con của Công ty TNHH Viettel Overseas.
- (iii) Công ty E-Mola S.A. là công ty con của Công ty Movitel S.A.
- (iv) Công ty Viettel E-commerce Tanzania là công ty con của Công ty Viettel Tanzania.
- (v) Công ty Lumicash SU là công ty con của Công ty Viettel Burundi S.A.
- (vi) Công ty Telemor Fintech Unipessoal, Lda ("TFU") là công ty con của Công ty Viettel Timor Leste, UNIP, LDA.
- (vii) Công ty E-money Payment Solutions Public Limited là công ty con của Công ty TNHH Viettel Cambodia.
- (viii) Công ty TNHH Metcom là công ty liên kết của Công ty TNHH Viettel Cambodia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (tỷ lệ lợi ích 70%) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (xem chi tiết tại Thuyết minh số 05).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và được trình bày lại theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 06/TB-KTNN ngày 13 tháng 01 năm 2021 về kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng Công ty và kết quả thanh tra thuế tại Công ty TNHH Viettel Cambodia cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2017. Các điều chỉnh chủ yếu liên quan đến ghi nhận lãi do bán hàng trả chậm của Tổng Công ty cho Mytel; thu nhập khác từ khoản tiền lương Tổng Công ty phải trả tồn đọng lâu năm; tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà thầu tăng thêm tại Công ty TNHH Viettel Cambodia sau thanh tra; cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh		Số đầu năm	Điều chỉnh	Số đầu năm
				(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
				VND	VND	VND
TÀI SẢN						
Phải thu ngắn hạn khác	216	8		2.836.003.526.281	44.072.299.153	2.880.075.825.434
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20		170.206.708.765	(87.853.712.640)	82.352.996.125
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16		2.121.883.368.573	(21.595.426.585)	2.100.287.941.988
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17		846.696.333.543	(500.094.948)	846.196.238.595
NGUỒN VỐN						
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20		499.828.459.664	427.845.547.474	927.674.007.138
Phải trả người lao động	314			159.447.709.464	(680.074.139)	158.767.635.325
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17		674.500.447.847	(23.311.493.030)	651.188.954.817
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			(165.293.372.758)	(10.330.744.595)	(175.624.117.353)
(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a			(2.905.496.131.169)	(402.107.380.684)	(3.307.603.511.853)
(Lỗ) năm nay	421b			(640.675.052.247)	(7.600.976.465)	(648.276.028.712)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			(393.764.416.671)	(49.691.813.581)	(443.456.230.252)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Điều chỉnh	Năm trước
			(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
			VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.688.671.834.717	44.072.299.153	1.732.744.133.870
Lãi từ Công ty liên kết	24		322.992.845.782	(21.595.426.585)	301.397.419.197
Thu nhập khác	31		135.599.179.872	680.074.139	136.279.254.011
Chi phí khác	32		167.650.688.052	24.230.498.349	191.881.186.401
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	731.347.880.373	8.450.379.710	739.798.260.083
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(183.880.067.713)	500.094.948	(183.379.972.765)
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)			(535.406.555.641)	(10.024.026.300)	(545.430.581.941)
(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			(640.675.052.247)	(7.600.976.465)	(648.276.028.712)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			105.268.496.606	(2.423.049.835)	102.845.446.771

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Điều chỉnh	Năm trước
		(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	01	12.061.257.019	(1.073.551.642)	10.987.705.377
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.364.014.937.058)	21.595.426.585	(1.342.419.510.473)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.704.798.052.894)	(44.072.299.153)	(3.748.870.352.047)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.710.783.032.943	23.550.424.210	4.734.333.457.153

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Riêng đối với Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR"), tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào VCR trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của VCR và không hợp nhất số liệu tài chính của VCR.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của các công ty con tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Theo yêu cầu của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng các đồng tiền nội tệ của các thị trường sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ được lập bằng Đồng Việt Nam (VND) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá mua vào USD trên VND và tỷ giá bán ra USD trên đồng nội tệ tại thị trường Công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và Công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá bán ra USD trên VND và tỷ giá mua vào USD trên đồng nội tệ tại thị trường Công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và Công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư và được phân bổ đều vào chi phí trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho sử dụng cho mục đích xây dựng trạm viễn thông được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, giá xuất kho của các loại hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá gốc hàng tồn kho thương mại bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên định mức hoạt động được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Ngoại trừ thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

Thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần phù hợp với yêu cầu của chế độ kế toán nước sở tại.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Giấy phép kinh doanh viễn thông

Phí đăng ký kinh doanh trả cho chính phủ các nước nhằm được phép thực hiện hoạt động kinh doanh viễn thông trong một giai đoạn xác định, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và khấu hao kể từ khi khai trương mạng viễn thông cho tới khi giấy phép kinh doanh hết hạn.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí thuê trả trước, giá trị công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí khác.

Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê trả trước liên quan đến thuê mặt bằng, trạm BTS, tiền thuê đầu số trả trước, tiền thuê vị trí trả trước, tiền thuê kho và thuê văn phòng, cửa hàng trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 50 năm.

Công cụ và dụng cụ

Giá trị công cụ và dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn tối đa 3 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí lớn phát sinh trong kỳ hạn thông thường của thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời hạn tối đa 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các khoản chi phí trả trước phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông thuê bao trả sau: được ghi nhận trên cơ sở thời gian gọi nếu tính phí theo thời gian hoặc theo kỳ nếu tính phí cố định theo kỳ.
- Doanh thu dịch vụ viễn thông thuê bao trả trước: Theo hướng dẫn tại Công văn số 18494 ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hạch toán doanh thu bán thẻ trả trước của doanh nghiệp viễn thông, doanh thu dịch vụ viễn thông thuê bao trả trước, bán thẻ cào trả trước được ghi nhận khi thu tiền từ các đại lý hoặc khách hàng mà không phải trả lại cho đại lý hoặc khách hàng và có cam kết về việc cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Đối với hợp đồng kinh tế bao gồm nhiều giao dịch, Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu được ghi nhận tương ứng với nghĩa vụ hiện tại đã thực hiện và nghĩa vụ trong tương lai chưa thực hiện được hoãn lại cho đến khi được thực hiện. Trường hợp hợp đồng kinh tế quy định việc bán hàng và cung cấp dịch vụ sau bán hàng (ngoài điều khoản bảo hành thông thường), Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; trường hợp hợp đồng quy định bên bán hàng chịu trách nhiệm lắp đặt sản phẩm, hàng hóa cho người mua thì doanh thu chỉ được ghi nhận sau khi việc lắp đặt được thực hiện xong. Trường hợp Tổng Công ty có nghĩa vụ phải cung cấp cho người mua hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá trong giao dịch dành cho khách hàng truyền thống, kế toán chỉ ghi nhận doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó cho đến khi đã thực hiện nghĩa vụ với người mua. Tuy nhiên, phần doanh thu ghi nhận của mỗi yếu tố được giới hạn ở tỷ lệ tính trên mức tổng giá trị của hợp đồng được ghi nhận mà không phụ thuộc vào việc bàn giao các yếu tố khác. Nếu phần giá trị hợp lý của các yếu tố đã bàn giao không thể xác định được nhưng giá trị hợp lý của yếu tố chưa bàn giao có thể xác định được, thì phần doanh thu của yếu tố đã bàn giao được tính bằng chênh lệch giữa tổng giá trị hợp đồng và giá trị hợp lý của yếu tố chưa bàn giao.
- Trường hợp năm trước bán hàng, năm sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu và nếu khoản giảm trừ doanh thu thỏa mãn sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính thì được coi là sự kiện cần điều chỉnh và được điều chỉnh vào doanh thu năm bán hàng. Ngược lại, khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh vào năm mà sự kiện phát sinh.
- Doanh thu cước kết nối được ghi nhận khi việc kết nối hoàn thành, trừ trường hợp phí này là một phần của hợp đồng dịch vụ có nhiều yếu tố, khi đó phí kết nối dịch vụ được ghi nhận tương ứng như là một yếu tố trong hợp đồng này theo chính sách ghi nhận doanh thu ở trên.
- Doanh thu cho thuê đường truyền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.
- Doanh thu từ việc tải các đoạn video, nhạc chuông, bản đồ chỉ đường, chỉ dẫn nhà hàng và các nội dung tương tự được ghi nhận trên cơ sở cộng gộp hoặc giá trị thuần tùy theo việc đánh giá các rủi ro và trách nhiệm của mỗi bên liên quan trong hợp đồng dịch vụ. Nếu Tổng Công ty và các công ty con không mua bản quyền các nội dung này, thay vào đó là nhận hoa hồng dựa trên số lượng người

truy cập vào các nội dung đó, Tổng Công ty và các công ty con chỉ ghi nhận doanh thu tương ứng với phần hoa hồng nhận được.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi chậm trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay, phải thu và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1168/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 805/BTC/BTC-TCĐN ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính cũng như văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 01 năm 2017 đồng ý với ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 18608/BTC-TCĐN ngày 28 tháng 12 năm 2016, kể từ năm 2015, Tổng Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong báo cáo tài chính các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam và các nước sở tại.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc là cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được độc lập với các bộ phận khác. Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh viễn thông, bao gồm vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và mua bán các thiết bị viễn thông. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty và các công ty con được lập theo khu vực địa lý, với các bộ phận được chia như sau:

- Thị trường Châu Phi: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông và cung cấp các dịch vụ viễn thông tại các thị trường Mozambique (Movitel, E-Mola), thị trường Burundi (VTB, Lumicash) và thị trường Tanzania (VTZ, VTE);
- Thị trường Châu Mỹ La-tinh: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông và cung cấp các dịch vụ viễn thông tại thị trường Haiti (Natcom);
- Thị trường Đông Nam Á: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông và cung cấp các dịch vụ viễn thông tại các thị trường Campuchia (VTC, E-money), thị trường Đông Timor (VTL, TFU) và hoạt động khác của VTG và VTO được thành lập tại Việt Nam, trong đó hoạt động chủ yếu của VTG là bán các thiết bị viễn thông cho các thị trường nước ngoài.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	16.390.942.098	8.615.972.340
Tiền gửi ngân hàng (i)	4.712.571.535.691	3.433.868.199.519
Tiền đang chuyển	39.435.567.542	16.496.096.608
Các khoản tương đương tiền (ii)	87.766.954.682	1.253.807.453.190
	4.856.165.000.013	4.712.787.721.657

- (i) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm khoản tiền gửi 3.571.629.101 BIF tương đương 41.860.762.881 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 14.737.847.535 BIF tương đương 179.180.751.633 VND) tại Ngân hàng KCB Bank Kenya dùng để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng này.

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm số tiền gửi của khách hàng tại các công ty vi điện tử là 873.054.801.153 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 678.434.323.393 VND). Số tiền này bị hạn chế sử dụng và việc giao dịch phụ thuộc theo yêu cầu của khách hàng tại các công ty vi này..

- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 0,75% - 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là từ 5,0% - 5,5%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	6.657.717.545.976	6.657.717.545.976	5.691.000.000.000	5.691.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.657.717.545.976	6.657.717.545.976	5.691.000.000.000	5.691.000.000.000
Dài hạn	246.000.000.000	246.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	246.000.000.000	246.000.000.000	-	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (iii)	583.660.000	583.660.000	583.660.000	583.660.000

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất từ 3,5%/năm - 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là từ 5,5% - 8,0%/năm).
- (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất 6,5%/năm.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.286.617.378.632	4.160.043.769.502
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR")	4.151.095.844.522	1.949.861.051.135
Công ty TNHH Viettel Peru	759.546.594.762	466.294.355.547
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	602.858.063.903	640.600.438.525
Công ty TNHH Viễn Thông Star	213.353.428.768	442.070.269.812
Phải thu các đối tượng khác	559.763.446.677	661.217.654.483
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	8.736.298.139.624	12.574.608.300.585
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	4.606.964.469.557	4.738.489.734.830
Công ty TNHH Viettel Peru	4.129.333.670.067	5.657.313.191.164
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR")	-	2.167.360.606.274
Phải thu các đối tượng khác	-	11.444.768.317
	15.022.915.518.256	16.734.652.070.087

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 39)	10.522.031.641.609	12.099.425.849.649
---	--------------------	--------------------

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (i)	3.517.591.140.000	3.534.418.060.000
Công ty TNHH Telecom International Myanmar (ii)	2.030.525.726.798	382.954.151.290
	5.548.116.866.798	3.917.372.211.290
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Telecom International Myanmar (ii)	6.250.224.781.103	8.221.158.325.327
	6.250.224.781.103	8.221.158.325.327

(i) Phản ánh khoản cho Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Cameroon theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay từ 2% đến 3%/năm với thời hạn từ 31 tháng đến 60 tháng.

(ii) Phản ánh khoản cho Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel" - công ty liên kết của Tổng Công ty) vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Myanmar theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay là lãi suất LIBOR 12 tháng + 4%/năm với thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25, Tổng Công ty đã thế chấp một phần khoản cho vay Mytel với trị giá 20 triệu Đô la Mỹ (tương đương 460 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Trung tâm kinh doanh Hội sở chính.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Dự thu lãi cho vay (i)	1.682.811.395.130	1.136.656.913.441
Phải thu lãi phạt quá hạn thanh toán (ii)	953.323.370.675	747.024.634.657
Các khoản phải thu về chi hộ (iii)	324.710.678.511	35.794.933.146
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn (iv)	152.111.901.370	72.276.615.387
Phải thu về tiền bán hàng tại các kênh phân phối và các khoản khác có liên quan	116.690.433.945	168.983.777.637
Tạm ứng	112.509.691.994	103.727.652.853
Phải thu cơ quan thuế Tanzania (v)	100.594.347.815	44.559.846.458
Phải thu về lợi nhuận được chia (vi)	36.098.293.738	383.584.193.504
Phải thu lãi do bán hàng trả chậm (v)	-	44.072.299.153
Phải thu từ cung cấp dịch vụ cước kết nối	14.181.248.085	23.406.647.052
Các khoản phải thu khác	146.549.687.773	119.988.312.146
	3.639.581.049.036	2.880.075.825.434
b. Dài hạn		
Phải thu lãi do bán hàng trả chậm (v)	310.253.628.564	-
Ký cược, ký quỹ	39.598.854.495	36.673.064.328
Dự thu lãi cho vay	-	23.549.049.912
	349.852.483.059	60.222.114.240
Trong đó:		
Phải thu khác với các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 39)	2.566.273.074.052	1.900.044.423.942

- (i) Phản ánh lãi từ các khoản cho Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel") và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") vay. Trong đó số dư lãi từ các khoản cho VCR vay phải thu là 338,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 312 tỷ VND).
- (ii) Phản ánh khoản lãi phạt chậm trả của công ty liên kết, công ty trong cùng Tập đoàn và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") do quá hạn thanh toán theo thỏa thuận tại các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị, trong đó số dư lãi phạt chậm trả của VCR là 84,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 83,8 tỷ VND) theo nguyên tắc tại các kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính ngày 06 tháng 10 năm 2014 và Thông báo kiểm toán Báo cáo tài chính ngày 23 tháng 11 năm 2017.
- (iii) Phản ánh khoản phải thu về việc trả hộ khoản bảo lãnh vay vốn của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L với số tiền 302 tỷ VND và các khoản trả hộ khác.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (Xem Thuyết minh số 4 và số 5).
- (v) Phản ánh số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty Viettel Tanzania ("VTZ" - Công ty con của Tổng Công ty) đã nộp theo yêu cầu của cơ quan thuế Tanzania.
- (vi) Phản ánh số dư phải thu các khoản lợi nhuận đã công bố chia bởi công ty liên kết tại nước ngoài.
- (vii) Phản ánh khoản phải thu về lãi bán hàng trả chậm cho Công ty TNHH Telecom International Myanmar.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	356.884.304.131	24.045.907.803.795	528.540.070.342	868.723.144.932	25.800.055.323.200
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	3.423.278.900	(114.488.503.991)	(28.457.356.845)	16.908.154.601	(122.614.427.335)
Mua trong năm	-	15.798.122.538	-	13.375.108.882	29.173.231.420
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	52.583.208.174	2.926.800.407.872	8.457.723.477	12.879.098.503	3.000.720.438.026
Thanh lý, nhượng bán	-	(589.180.926.249)	(57.927.664.004)	-	(647.108.590.253)
Tăng/(giảm) khác	-	(2.447.781.134)	-	2.447.781.134	-
Số dư cuối năm	412.890.791.205	26.282.389.122.831	450.612.772.970	914.333.288.052	28.060.225.975.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	79.506.461.200	15.671.633.367.874	464.579.562.952	700.381.558.039	16.916.100.950.065
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	16.068.264	(14.710.449.914)	(24.061.277.072)	(9.216.638.408)	(47.972.297.130)
Khấu hao trong năm	23.995.406.122	3.316.516.216.527	25.300.543.103	70.623.410.883	3.436.435.576.635
Thanh lý, nhượng bán	-	(570.867.166.226)	(56.864.839.160)	-	(627.732.005.386)
Tăng/(giảm) khác	-	27.955.003.640	(2.555.993.855)	63.049.272	25.462.059.057
Số dư cuối năm	103.517.935.586	18.430.526.971.901	406.397.995.968	761.851.379.786	19.702.294.283.241
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	277.377.842.931	8.374.274.435.921	63.960.507.390	168.341.586.893	8.883.954.373.135
Tại ngày cuối năm	309.372.855.619	7.851.862.150.930	44.214.777.002	152.481.908.266	8.357.931.691.817

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.759 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.211 tỷ VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.292 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 443 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

31

TRẦN VĂN THƯỜNG

31

31

31

31

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép kinh doanh viễn thông VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.888.177.128	1.000.578.559.925	1.881.985.908.769	2.884.452.645.822
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(67.947.313)	(14.944.152.890)	(223.107.866.228)	(238.119.966.431)
Mua trong năm	46.881.422	101.426.073.788	493.511.409.671	594.984.364.881
Số dư cuối năm	1.867.111.237	1.087.060.480.823	2.152.389.452.212	3.241.317.044.272
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	417.267.622.366	488.251.755.952	905.519.378.318
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	-	(13.490.897.505)	(55.609.368.952)	(69.100.266.457)
Khấu hao trong năm	-	158.611.479.115	107.559.155.011	266.170.634.126
Số dư cuối năm	-	562.388.203.976	540.201.542.011	1.102.589.745.987
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.888.177.128	583.310.937.559	1.393.734.152.817	1.978.933.267.504
Tại ngày cuối năm	1.867.111.237	524.672.276.847	1.612.187.910.201	2.138.727.298.285

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 343 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 184 tỷ VND).

15. TÀI SẢN DỪ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	-	1.284.635.000
- Xây dựng cơ bản	1.002.138.533.374	2.106.557.273.607
	1.002.138.533.374	2.107.841.908.607
Trong đó:		
Nhà trạm	895.103.571.994	1.554.403.412.394
Tuyến cáp	104.765.897.760	454.687.128.435
Khác	2.269.063.620	98.751.367.778

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	4.551.906.064.307	4.425.349.023.521
Phần lợi nhuận lũy kế phát sinh sau ngày đầu tư	4.054.744.175.265	2.412.154.928.071
Cổ tức công bố	(4.772.613.702.180)	(4.502.334.786.217)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(228.329.482.629)	(234.881.223.387)
	3.605.707.054.763	2.100.287.941.988
<i>Trong đó:</i>		
- Đầu tư vào Công ty TNHH Viễn thông Star ("STL")	1.332.125.129.615	1.050.836.422.722
- Đầu tư vào Công ty TNHH Metcom ("Metcom")	144.593.555.913	145.285.240.678
- Đầu tư vào Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel")	2.128.988.369.235	904.166.278.588
	3.605.707.054.763	2.100.287.941.988

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng tài sản	32.346.327.078.974	30.043.419.243.347
Tổng công nợ	(25.042.683.471.819)	(25.990.506.899.346)
Tài sản thuần	7.303.643.607.155	4.052.912.344.001
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết (i)	3.605.707.054.763	2.100.287.941.988

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phần tài sản thuần của Tổng Công ty đầu tư vào các công ty liên kết cao hơn 49% của tài sản thuần do cổ đông của Mytel chưa góp đủ vốn điều lệ theo tỷ lệ cam kết.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu	16.256.895.714.791	11.779.564.547.262
Lợi nhuận thuần	3.242.917.071.871	615.096.773.871
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.589.029.365.217	301.397.419.197

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0% - 30%	0% - 30%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	854.560.177.051	907.308.983.328
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	27.000.000	27.000.000
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(41.911.476.720)	(61.139.744.733)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	812.675.700.331	846.196.238.595
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0% - 30%	0% - 30%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	756.553.868.758	712.328.699.550
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(41.911.476.720)	(61.139.744.733)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	714.642.392.038	651.188.954.817

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Lợi nhuận chưa thực hiện	Chi phí tạm thời chưa được khấu trừ	Các khoản lỗ tính thuế	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	873.196.732.213	170.774.715.931	27.000.000	(39.659.081.414)	1.004.339.366.730
Tăng trong năm (trình bày lại)	12.912.238	14.803.275.548	-	-	14.816.187.786
Hoàn nhập trong năm	(151.478.652.602)	-	-	-	(151.478.652.602)
Điều chỉnh khác (trình bày lại)	-	-	-	(21.480.663.319)	(21.480.663.319)
Tại ngày đầu năm nay (trình bày lại)	721.730.991.849	185.577.991.479	27.000.000	(61.139.744.733)	846.196.238.595
Tăng trong năm	864.456.586	55.218.556.859	-	-	56.083.013.445
Hoàn nhập trong năm	(86.451.500.504)	(22.380.319.218)	-	-	(108.831.819.722)
Điều chỉnh khác	-	-	-	19.228.268.013	19.228.268.013
Tại ngày cuối năm nay	636.143.947.931	218.416.229.120	27.000.000	(41.911.476.720)	812.675.700.331

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Chênh lệch chi phí khấu hao	Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước (trình bày lại)	47.732.704.439	498.356.793.193	265.865.765.243	139.290.310.242	(39.659.081.414)	911.586.491.703
Biến động trong năm	43.229.861.397	(8.979.002.625)	333.747.097.775	-	-	367.997.956.547
Hoàn nhập trong năm	(57.587.649.732)	(38.760.715.293)	(500.805.703.447)	(9.760.761.642)	-	(606.914.830.114)
Điều chỉnh khác (trình bày lại)	-	-	-	-	(21.480.663.319)	(21.480.663.319)
Tại ngày đầu năm nay (trình bày lại)	33.374.916.104	450.617.075.275	98.807.159.571	129.529.548.600	(61.139.744.733)	651.188.954.817
Tăng trong năm	132.504.290.169	(38.548.873.372)	49.276.775.888	17.485.467.683	-	160.717.660.368
Hoàn nhập trong năm	(40.112.375.087)	(35.629.980.032)	(34.918.249.331)	(5.831.886.710)	-	(116.492.491.160)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	19.228.268.013	19.228.268.013
Tại ngày cuối năm nay	125.766.831.186	376.438.221.871	113.165.686.128	141.183.129.573	(41.911.476.720)	714.642.392.038

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

18. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

GIÁ TRỊ BAN ĐẦU
Số dư đầu năm
Số dư cuối năm
HAO MÒN
Số dư đầu năm
Phân bổ trong năm
Số dư cuối năm
GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Tại ngày đầu năm
Tại ngày cuối năm

Lợi thể thương mại	VND
Số dư đầu năm	531.532.221.941
Số dư cuối năm	531.532.221.941
Số dư đầu năm	279.054.416.199
Phân bổ trong năm	53.153.222.262
Số dư cuối năm	332.207.638.461
Tại ngày đầu năm	252.477.805.742
Tại ngày cuối năm	199.324.583.480

Khoản lợi thể thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh với giá trị là khoảng 531 tỷ VND đã được ghi nhận căn cứ vào phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị ghi sổ của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Viettel Tanzania ("VTZ" – Công ty con của Tổng Công ty) tại ngày mua. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá và nhận thấy không có chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của công ty này tại ngày mua.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có khả năng thanh toán	Giá trị có khả năng thanh toán	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND			
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Huawei International	1.629.227.296.667	1.629.227.296.667	1.439.113.195.311	1.439.113.195.311
Tập đoàn ZTE	800.885.904.711	800.885.904.711	877.470.868.439	877.470.868.439
Công ty Nokia Solutions and Networks	56.738.068.238	56.738.068.238	123.873.884.024	123.873.884.024
Phải trả cho các đối tượng khác (i)	3.063.315.027.191	3.063.315.027.191	3.758.364.105.607	3.758.364.105.607
	5.550.166.296.807	5.550.166.296.807	6.198.822.053.381	6.198.822.053.381
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Công ty TNHH Huawei International	397.213.730.329	397.213.730.329	1.392.079.849.654	1.392.079.849.654
Tập đoàn ZTE	383.149.171.218	383.149.171.218	1.068.770.588.096	1.068.770.588.096
Conatel	324.759.945.784	324.759.945.784	-	-
HTT Infracore Ltd	230.325.310.811	230.325.310.811	-	-
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	138.737.168.516	138.737.168.516	151.167.698.272	151.167.698.272
Phải trả cho các đối tượng khác (i)	207.112.171.943	207.112.171.943	81.387.358.628	81.387.358.628
	1.681.297.498.601	1.681.297.498.601	2.693.405.494.650	2.693.405.494.650
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 39)	1.245.547.809.507	1.245.547.809.507	1.571.090.730.284	1.571.090.730.284

(i) Số dư khoản phải trả cho các đối tượng khác (có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số dư) ở nhiều khu vực địa lý khác nhau.

37

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số bù trừ/ phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	(Trình bày lại)	trong năm	trong năm	
	VND			
a) Các khoản phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	20.016.733.650	26.516.115.655	21.354.721.239	14.855.339.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.026.560.758	82.916.756.676	41.130.359.568	6.240.163.650
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	22.330.923	22.330.923
Thuế nhà thầu	793.990.318	29.381.696.772	32.610.475.943	4.022.769.489
Lệ phí trước bạ	5.290.892.560	109.490.113.389	111.081.495.127	6.882.274.298
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	8.224.818.839	124.148.425.874	125.833.045.842	9.909.438.807
	82.352.996.125	372.453.108.366	332.032.428.642	41.932.316.401
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	68.237.392.058	1.086.242.264.562	1.054.352.761.532	100.126.895.088
Thuế xuất, nhập khẩu	314.677.320	13.425.665.531	12.487.272.384	1.253.070.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.751.555.340	510.448.608.261	599.979.377.386	370.220.786.215
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.146.490.979	520.250.270.867	510.353.840.534	47.042.921.312
Thuế thu nhập cá nhân	25.315.312.081	220.499.534.077	227.245.345.526	18.569.500.632
Thuế nhà thầu	130.105.641.283	159.676.202.213	210.998.546.657	78.783.296.839
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (i)	206.802.938.077	163.233.414.647	143.604.865.006	226.431.487.718
	927.674.007.138	2.673.775.960.158	2.759.022.009.025	842.427.958.271

(i) Chủ yếu bao gồm thuế viễn thông, các khoản phạt, lãi chậm nộp và các loại thuế, phí, lệ phí và thuế khác.

Công ty TNHH Viettel Cambodia (công ty con của Tổng Công ty) đang thực hiện thanh tra thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan thuế về số thuế phải nộp thêm sau thanh tra, số thuế nộp thêm (nếu có) phụ thuộc vào kết quả cùng của cơ quan thuế và sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh khi nhận được quyết định này.

38

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về thuế, phí viễn thông	955.751.480.019	624.785.196.054
Trích trước chi phí phạt	301.625.487.646	-
Chi phí lãi vay phải trả	115.494.062.745	79.984.127.001
Chi phí cước kết nối	184.266.161.809	150.456.610.980
Trích trước chi phí hoạt động	285.793.471.148	237.911.710.254
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa đã bán	34.158.279.297	342.118.504.336
Chi phí phải trả khác	103.576.595.455	145.885.305.948
	1.980.665.538.119	1.581.141.454.573
b. Dài hạn		
Phải trả về lương thâm niên tại Công ty TNHH Viettel Cambodia	33.241.034.411	48.057.752.765
	33.241.034.411	48.057.752.765

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	190.171.211.955	108.576.750.214
Tiền cho thuê trạm viễn thông	53.358.599.544	106.757.169.106
Lãi bán hàng trả chậm	90.925.747.085	-
Khác	45.886.865.326	1.819.581.108
b. Dài hạn	1.176.236.980.283	993.220.114.017
Bán thiết bị cho công ty liên kết	579.311.009.749	549.386.385.157
Tiền cho thuê trạm viễn thông	387.648.831.657	443.833.728.860
Lãi bán hàng trả chậm	144.447.257.125	-
Khác	64.829.881.752	-
	1.366.408.192.238	1.101.796.864.231

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về tiền ví điện tử cho khách hàng (i)	890.990.997.244	690.854.047.641
Phải trả khoản bảo lãnh vay vốn (ii)	301.859.810.623	-
Phải trả cổ tức	52.776.243.393	50.487.627.546
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.867.437.915	44.831.594.292
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	14.462.629.577	15.127.694.183
Phải trả về các khoản đơn vị khác chi hộ	9.661.435.677	13.096.245.898
Các khoản phải trả khác	280.194.881.979	103.696.828.638
	1.586.813.436.408	918.094.038.198
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.290.484.668	5.268.713.243
Phải trả dài hạn khác	-	8.342.235
	6.290.484.668	5.277.055.478
Trong đó:		
Phải trả khác với các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 39)	61.896.689.590	111.501.916.618

- (i) Thể hiện số dư tiền ví điện tử phải trả cho khách hàng tại các Công ty E-Mola S.A, Công ty TNHH Viettel E-commerce, Công ty Lumicash, Công ty Telemor Fintech Unipessoal, Lda và Công ty E-money Payment Solutions Public Limited.
- (ii) Phản ánh khoản trả hộ Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L về khoản vay của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L với các ngân hàng theo thông báo từ các ngân hàng nhận bảo lãnh. Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hộ các khoản vay này theo điều khoản thỏa thuận trong các thư bảo lãnh vay với các ngân hàng trong trường hợp Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L không trả được nợ cho ngân hàng. Theo các cam kết bảo lãnh của Tổng Công ty đã phát hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm trả cho Ngân hàng theo các thông báo của Ngân hàng khi VCR không thanh toán các gốc vay khi đến hạn. Giá trị bảo lãnh Tổng Công ty sẽ trả tối đa 70% toàn bộ giá trị mà VCR nợ Ngân hàng (bao gồm gốc vay, lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh trong hợp đồng vay). Theo đó, đối với các khoản lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh chưa thanh toán, nghĩa vụ của Tổng Công ty có thể phát sinh tùy thuộc theo các thông báo tiếp theo (nếu có) của các ngân hàng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm				Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán VND
	Tăng	Thanh toán	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		
			VND	VND	
Vay ngắn hạn	2.674.736.971.065	(4.215.717.677.260)	(27.850.570.864)		2.667.072.606.220
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)					3.689.000.376.511
					6.356.072.982.731

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phnom Penh, Campuchia	VTC	USD	1.854.400.000.000	1.858.800.000.000	Máy móc, thiết bị tại VTC
Ngân hàng Standard Chartered Tanzania	VTZ	USD	302.337.834.849	379.903.487.302	Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	Tổng Công ty	USD	171.013.297.500	245.988.509.800	Tin chấp
Ngân hàng An Bình	Tổng Công ty	USD	146.750.560.800	57.080.353.000	Tin chấp
Ngân hàng Taipei Fubon - Chi nhánh Hà Nội	Tổng Công ty	USD	104.310.000.000	348.300.000.000	Tin chấp
BCI - Banco Comercial E De Investimentos, SA	Movitel	MZN	53.796.386.195	103.080.019.717	Tin chấp
Ngân hàng Standard Chartered Bank (Việt Nam)	Tổng Công ty VND và USD	VND và USD	34.464.526.876	34.458.007.239	Tin chấp
African Banking Corporation (Mozambique), SA	Movitel	MZN	-	85.558.325.255	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	Tổng Công ty VND và USD	VND và USD	-	28.082.268.000	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tổng Công ty USD	USD	-	24.823.345.700	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Tổng Công ty VND và USD	VND và USD	-	100.319.567.266	Quyền đòi nợ từ Movitel
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tổng Công ty USD	USD	-	766.260.000.000	Hợp đồng tiền gửi
Malayan Banking Bhd (Maybank) - Chi nhánh Labuan	Tổng Công ty USD	USD	-	116.175.000.000	Tin chấp
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng Công ty USD	USD	-	87.075.000.000	Hợp đồng tiền gửi
			2.667.072.606.220	4.235.903.883.279	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)			3.689.000.376.511	2.621.456.613.784	
Tổng cộng vay và nợ ngắn hạn			6.356.072.982.731	6.857.360.497.063	

41

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm				Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán VND
	Tăng	Thanh toán	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		
			VND	VND	
Vay dài hạn	2.269.611.701.266	(3.710.370.294.013)	89.803.774.478		12.393.992.846.433
Trong đó:					
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)					3.689.000.376.511
Số phải trả sau 12 tháng					8.704.992.469.922

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Tài sản thế chấp
Maybank Investment Bank Berhad	Tổng Công ty	USD	3.006.583.500.000	1.144.091.400.000	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tổng Công ty, VTL và VTZ	USD	1.606.812.175.135	1.774.872.740.525	Thư bảo lãnh của VTG, tin chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	Tổng Công ty	USD	1.361.728.209.480	1.364.077.029.160	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng Công ty	USD	1.158.500.000.000	1.161.000.000.000	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	Tổng Công ty	USD	1.158.500.000.000	1.160.500.000.000	Tin chấp
Vietnabank Deutsche	VTZ	USD	587.666.991.764	589.791.940.781	Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	Tổng Công ty USD và VND	USD và VND	556.399.787.952	927.332.979.920	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội	Tổng Công ty USD	USD	497.096.652.325	2.021.541.724.759	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Tổng Công ty USD và VND	USD và VND	478.620.706.295	1.230.276.904.322	Quyền đòi nợ từ Movitel
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tổng Công ty USD	USD	463.800.000.000	464.600.000.000	Tin chấp
Unibank	NAT	HTG	360.618.779.848	360.726.027.397	Máy móc, thiết bị tại NAT
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Tổng Công ty USD	USD	263.265.589.537	658.565.092.523	Khoản cho Mytel vay
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	Tổng Công ty USD	USD	238.026.263.900	238.437.008.100	Tin chấp
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	Tổng Công ty USD	USD	129.624.804.426	238.437.008.100	Tin chấp
Kasikorn Bank	VTC	USD	191.235.000.000	255.585.000.000	Tin chấp
NMB Bank Plc.	VTZ	USD	92.720.000.000	162.135.172.077	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phnom Penh, Campuchia	VTC	USD	55.077.743.032	-	Thư bảo lãnh của VTG
BANCO UNICO, SA	Movitel	MZN	29.196.715.583	-	Máy móc, thiết bị tại Movitel
SPI - Mozambique	Movitel	USD	24.501.798.714	29.244.910.563	Tin chấp
Ngân hàng KCB Bank Kenya	VTB	USD	11.728.863.269	86.406.436.669	Tiền gửi ngân hàng
BCI - BANCO COMERCIAL E DE INVESTIMENTOS, SA	Movitel	MZN	-	28.633.338.810	Tin chấp
Ecobank Burundi	VTB	USD và BIF	-	46.075.665.836	Thư bảo lãnh của VTG và tiền gửi ngân hàng
Ngân hàng ANZ Timor	VTL	USD	-	41.054.293.260	Tin chấp
			12.393.992.846.433	13.744.947.664.702	
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)			3.689.000.376.511	2.621.456.613.784	
Số vay dài hạn phải trả sau 12 tháng			8.704.992.469.922	11.123.491.050.918	

42

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.689.000.376.511	2.621.456.613.784
Trong năm thứ hai	4.297.539.439.158	3.905.144.486.240
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.356.090.099.006	7.019.274.661.091
Sau năm năm	51.362.931.758	199.071.903.587
	12.393.992.846.433	13.744.947.664.702
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	3.689.000.376.511	2.621.456.613.784
Số phải trả sau 12 tháng	8.704.992.469.922	11.123.491.050.918

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (i)	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Tại ngày đầu năm trước (Trình bày lại)	30.438.112.000.000	2.130.004.708.823	9.775.164.167	(306.781.626.492)	(5.798.887.399.906)	(2.265.913.492.973)	24.206.309.353.619
Lợi nhuận trong năm (trình bày lại)	-	-	-	-	(648.276.028.712)	102.845.446.771	(545.430.581.941)
Trích quỹ đầu tư phát triển tại công ty mẹ	-	352.780.619.218	-	-	(352.780.619.218)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty mẹ	-	-	-	-	(52.917.092.884)	-	(52.917.092.884)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(78.537.532.948)	(78.537.532.948)
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết	-	30.663.893.007	-	-	(46.600.594.266)	(20.442.595.339)	(36.379.296.598)
Điều chỉnh do không hợp nhất VCR	-	-	-	-	3.222.538.605.807	1.575.381.602.915	4.797.920.208.722
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	131.157.509.139	(139.994.048.103)	248.531.630.316	239.695.091.352
Điều chỉnh khác	-	11.568.019.882	-	-	(138.962.363.283)	(5.321.288.994)	(132.715.632.395)
Tại ngày đầu năm nay (trình bày lại)	30.438.112.000.000	2.525.017.240.930	9.775.164.167	(175.624.117.353)	(3.955.879.540.565)	(443.456.230.252)	28.397.948.516.927
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	559.514.693.788	(130.793.584.393)	428.721.109.395
Trích quỹ đầu tư phát triển tại công ty mẹ (i)	-	359.091.646.808	-	-	(359.091.646.808)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty mẹ (i)	-	-	-	-	(61.672.272.016)	-	(61.672.272.016)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(189.238.048.950)	(189.238.048.950)
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết	-	47.106.965.556	-	-	(60.146.706.744)	-	(13.039.741.188)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	863.492.476.450	75.754.904.817	368.162.323.164	1.307.409.704.431
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2.515.859.098)	(6.740.533)	(2.522.599.631)
Tại ngày cuối năm nay	30.438.112.000.000	2.931.215.853.294	9.775.164.167	687.868.359.097	(3.804.036.476.626)	(395.332.280.964)	29.867.602.668.968

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 359.091.646.808 VND, và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 61.672.272.016 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019.

(ii) Chi tiết biến động chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

	Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại các công ty con	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	14.868.715.917	(321.650.342.409)	(306.781.626.492)
Phát sinh trong năm	(75.160.303.398)	(227.654.069.684)	(302.814.373.082)
Phân bổ vào chi phí tài chính trong năm	-	473.134.214.423	473.134.214.423
Chênh lệch tỷ giá phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	(39.162.332.202)	(39.162.332.202)
Số dư đầu năm nay	(60.291.587.481)	(115.332.529.872)	(175.624.117.353)
Phát sinh trong năm	748.159.946.578	(1.644.411.570.806)	(896.251.624.228)
Phân bổ vào chi phí tài chính trong năm	-	1.796.939.797.495	1.796.939.797.495
Chênh lệch tỷ giá phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	(37.195.696.817)	(37.195.696.817)
Số dư cuối năm nay	687.868.359.097	-	687.868.359.097

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (i)		
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200

(i) Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 30.438.112.000.000 VND, tổng số cổ phiếu là 3.043.811.200 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	30.142.124.000.000	99,03	30.142.124.000.000	99,03
Cổ đông khác	295.988.000.000	0,97	295.988.000.000	0,97
Tổng cộng	30.438.112.000.000	100	30.438.112.000.000	100

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	31.781.571	45.673.834
Euro	EUR	26.228	18.217
Haitian Gourde	HTG	1.084.784.259	315.444.431
Mozambique New Metical	MZN	580.856.350	360.663.304
Cambodian Riel	KHR	4.030.353.690	18.630.113.980
Burundi Franc	BIF	139.908.669.852	123.857.235.148
Tanzania Shilling	TZS	45.900.698.894	40.358.119.009
Baht Thailand	THB	884.551	1.457.459



28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Thị trường Châu Phi VND	Thị trường Châu Mỹ La-tinh VND	Thị trường Đông Nam Á VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Hợp nhất VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	6.606.603.573.602	3.212.773.887.537	9.142.919.866.763	-	18.962.297.327.902
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	11.904.261.284	-	1.076.102.840.745	(1.088.007.102.029)	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	6.618.507.834.886	3.212.773.887.537	10.219.022.707.508	(1.088.007.102.029)	18.962.297.327.902
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(3.231.984.596.215)	566.068.702.339	2.181.854.158.996	912.782.844.275	428.721.109.395
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản của bộ phận	15.917.778.861.946	2.905.343.283.774	63.424.408.017.657	(26.849.151.077.841)	55.398.379.085.536
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	4.551.906.064.307	(946.199.009.544)	3.605.707.054.763
Tổng tài sản	15.917.778.861.946	2.905.343.283.774	67.976.314.081.964	(27.795.350.087.385)	59.004.086.140.299
Nợ phải trả của bộ phận	(29.154.172.022.871)	(1.243.254.264.408)	(22.080.395.559.081)	23.341.338.375.029	(29.136.483.471.331)
Khấu hao tài sản cố định	2.142.974.049.941	436.166.654.398	2.016.897.319.348	(893.431.812.926)	3.702.606.210.761

47

	Thị trường Châu Phi VND	Thị trường Châu Mỹ La-tinh VND	Thị trường Đông Nam Á VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Hợp nhất VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	5.574.403.916.804	2.179.081.602.505	9.350.592.497.944	-	17.104.078.017.253
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	36.413.096.076	-	2.758.865.772.887	(2.795.278.868.963)	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	5.610.817.012.880	2.179.081.602.505	12.109.458.270.831	(2.795.278.868.963)	17.104.078.017.253
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế (Trình bày lại)	(1.825.729.777.018)	368.477.779.831	2.725.606.654.046	(1.813.785.238.800)	(545.430.581.941)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Tài sản của bộ phận (Trình bày lại)	20.336.340.364.548	1.892.187.158.808	67.859.858.629.250	(31.385.981.286.438)	58.702.404.866.168
Khoản đầu tư vào công ty liên kết (Trình bày lại)	-	-	4.425.066.061.572	(2.324.778.119.584)	2.100.287.941.988
Tổng tài sản	20.336.340.364.548	1.892.187.158.808	72.284.924.690.822	(33.710.759.406.022)	60.802.692.808.156
Nợ phải trả của bộ phận	(31.182.361.595.919)	(819.690.636.747)	(28.320.668.126.326)	27.917.972.067.763	(32.404.748.291.229)
Khấu hao tài sản cố định	1.718.769.708.325	241.547.464.781	1.864.356.842.404	(587.700.982.948)	3.236.973.032.562

48

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.310.819.643.323	1.879.519.297.428
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.694.759.186.899	15.224.558.719.825
Các khoản giảm trừ doanh thu	(43.281.502.320)	-
	18.962.297.327.902	17.104.078.017.253
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 39)	1.255.512.975.278	2.631.516.158.546

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng bán	1.401.744.317.942	1.878.352.473.726
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.497.650.739.392 (8.272.257.278)	9.080.598.433.522 42.366.512.810
	11.891.122.800.056	11.001.317.420.058

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.053.573.804.440	1.037.052.496.829
Chi phí nhân công	1.452.082.131.827	1.462.492.397.313
Chi phí khấu hao	3.702.606.210.761	3.236.973.032.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.573.684.891.023	5.270.643.273.185
Chi phí khác	1.767.149.313.362	1.502.422.088.043
	14.549.096.351.413	12.509.583.287.932

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.085.025.835.407	1.077.225.825.319
Lãi phạt chậm trả các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị	279.024.599.753	291.794.666.858
Lãi chênh lệch tỷ giá	77.528.988.687	311.320.389.755
Lãi bán hàng trả chậm	31.018.147.738	44.072.299.153
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.916.000.445	8.330.952.785
	1.481.513.572.030	1.732.744.133.870

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá (i)	2.407.640.521.156	1.024.805.726.015
Chi phí lãi vay	814.958.881.041	953.638.243.131
Chi phí tài chính khác	26.645.372.236	63.467.088.704
	3.249.244.774.433	2.041.911.057.850

(i) Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm bao gồm 1.797 tỷ VND (năm 2019 là 473 tỷ VND) là số phân bổ của khoản chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài được ghi nhận theo hướng dẫn tại Công văn số 805/BTC/BTC-TCDN ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính và phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1168/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 02 năm 2016, Công văn số 18608/BTC-TCDN ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và phê duyệt của Thủ tướng chính phủ tại Văn bản chỉ đạo số 797/VPCP-KTTH ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 3 năm đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong báo cáo tài chính các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trong đó, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài phát sinh trong năm 2020 với số tiền 1.644 tỷ VND (năm 2019 phát sinh với số tiền 227 tỷ VND).

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí quảng cáo, truyền thông, chi trả cho đại lý, cộng tác viên bán hàng	786.861.958.918	508.912.630.880
Chi phí nhân viên bán hàng	263.724.894.812	227.061.183.731
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.836.612.751	66.895.701.153
Dịch vụ Call center thuê ngoài	66.804.010.654	80.075.107.167
Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng	48.645.114.572	61.366.424.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.414.722	835.799.988
Chi phí khác	633.113.053.516	614.724.774.697
	1.872.356.059.945	1.559.871.621.745
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí thuê chuyên gia	603.583.459.040	468.860.655.388
Chi phí nhân viên quản lý	651.803.308.812	514.551.254.072
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.324.777.229.403	2.557.059.822.120
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.343.167.837	12.978.245.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	308.430.655.266	267.465.548.093
Chi phí Quỹ viễn thông công ích	51.684.577.660	47.060.154.675
Chi phí thuê nhà, văn phòng và thuê kho	114.788.982.759	116.844.104.851
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	31.727.327.290	37.398.593.629
Chi phí khác	408.550.333.266	446.311.454.843
	3.507.689.041.333	4.468.529.832.900

35. LỠ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập khác từ việc thực hiện các dự án cho Chính phủ	121.827.089.896	30.902.350.481
Các khoản được biểu, tặng	46.218.913.300	37.085.601.901
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.106.535.760	27.777.708.499
Thu tiền phạt, tiền bồi thường hợp đồng	4.727.403.420	5.030.375.829
Các khoản thu nhập khác	36.085.650.266	35.483.217.301
Thu nhập khác	212.965.592.642	136.279.254.011
Các khoản bị phạt (i)	419.017.000.923	24.230.498.349
Thuế nhà thầu	51.701.926.105	62.462.225.248
Chi phí khác liên quan tới việc thực hiện các dự án cho Chính phủ	24.225.393.250	27.073.511.204
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	10.379.108.625	10.219.025.743
Chi phí thanh lý tài sản cố định	15.616.368.234	63.981.442.542
Các khoản chi phí khác	3.683.762.757	3.914.483.315
Chi phí khác	524.623.559.894	191.881.186.401
(Lỗ) khác	(311.657.967.252)	(55.601.932.390)

(i) Chủ yếu là khoản tiền phạt phát sinh tại Công ty TNHH Viettel Tanzania (công ty con của Tổng Công ty) cho Cơ quan quản lý viễn thông Tanzania liên quan đến việc sử dụng các cặp tần số viễn thông. Công ty TNHH Viettel Tanzania hiện đang tham gia vào các thủ tục pháp lý khác nhau và đã tham khảo ý kiến của cố vấn pháp lý của mình để đánh giá kết quả dự kiến của các thủ tục này. Theo đánh giá này, Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Viettel Tanzania xác định rằng đã trích lập dự phòng đầy đủ trên báo cáo tài chính liên quan đến các thủ tục pháp lý này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm nay	675.137.691.972	593.686.714.906
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	(81.772.327.035)	-
Chi phí thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài	111.055.744.859	146.111.545.177
	704.421.109.796	739.798.260.083

(i) Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2018, 2019 của Tổng Công ty khi điều chỉnh giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Thuế suất áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế. Thuế suất áp dụng cho các công ty con và liên kết như sau:

Công ty	Quốc gia	Thuế suất thuế TNDN	Thuế chuyển lợi nhuận
Công ty TNHH Viettel Overseas ("VTO")	Việt Nam	20%	Không áp dụng
Công ty Viettel Timor Leste, UNIP, LDA. ("VTL")	Đông Timor	10%	Không áp dụng
Công ty TNHH Viettel Cambodia ("VTC")	Campuchia	20%	10%
Công ty Movitel S.A. ("Movitel")	Mozambique	12,8%	10%
Công ty National Telecom S.A. ("Natcom")	Haiti	30%	20%
Công ty Viettel Burundi S.A ("VTB")	Burundi	Miễn thuế	Chưa phát sinh
Công ty Viettel Tanzania ("VTZ")	Tanzania	30%	Chưa phát sinh
Công ty TNHH Viễn Thông Star Telecom ("STL")	Lào	20%	10%
Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel")	Myanmar	Miễn thuế	Chưa phát sinh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	85.687.027.927	151.465.740.364
Chi phí tạm thời chưa được khấu trừ	(62.586.916.681)	(14.961.734.047)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư nước ngoài	92.694.037.567	(14.349.410.308)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(74.178.853.404)	(47.739.717.918)
Chênh lệch chi phí khấu hao	11.653.580.973	(9.758.896.234)
Dự phòng phải thu khó đòi	14.358.526.557	(248.035.954.622)
	67.627.402.939	(183.379.972.765)

37. LÃI/(LỠ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông của công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) của cổ đông của Công ty mẹ (VND)	559.514.693.788	(648.276.028.712)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) (VND)	(77.818.227.699)	(61.672.272.016)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông của Công ty mẹ (VND)	481.696.466.089	(709.948.300.728)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	3.043.811.200	3.043.811.200
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	158	(233)

- (i) Tổng Công ty tạm ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, đồng thời xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo tỷ lệ trích lập cho năm 2019 đã được chấp thuận tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, để giảm trừ lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại như sau:

	Số trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(218)	(233)	(15)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

38. CAM KẾT BẢO LÃNH VÀ CAM KẾT ĐẦU TƯ

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh vay vốn như sau:

Công ty nhận bảo lãnh	Tổ chức tín dụng cho vay	Hạn mức khoản vay	Mục đích vay	Ngày bắt đầu vay	Ngày đáo hạn	Giá trị được bảo lãnh bởi Tổng Công ty
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L	Ngân hàng SGBS Ngân hàng BICEC	9.000.000.000 FCFA 8.500.000.000 FCFA	Dự án viễn thông tại Cameroon Dự án viễn thông tại Cameroon	11/06/2018 18/08/2014	25/07/2023 30/04/2021	5.511.658.639 FCFA 2.608.756.215 FCFA

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty đã phát hành thư bảo lãnh vay vốn cho khoản vay của Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel") theo Hợp đồng tín dụng số 1811/HĐTD/TPBank ký ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa Mytel và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, hạn mức vay vốn theo hợp đồng là 40 triệu USD, thời hạn vay 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu chi phí vốn hợp lý của dự án "Đầu tư và kinh doanh mạng viễn thông và công nghệ thông tin tại Cộng hòa liên bang Myanmar". Theo đó, Tổng Công ty cam kết một cách vô điều kiện và không hủy ngang trong việc bảo lãnh mọi nghĩa vụ của Mytel đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng này. Nghĩa vụ được bảo lãnh là việc hoàn trả số tiền tương ứng với 49% tổng nghĩa vụ mà Mytel phải trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong bao gồm: dư nợ gốc của khoản vay và bất kỳ khoản lãi, phí, chi phí, phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại và các chi phí thực tế khác (bao gồm cả trường hợp ngân hàng thu hồi nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng này trong trường hợp Mytel vi phạm nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền này đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong bất kỳ trường hợp nào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Mytel chưa phát sinh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng này.

Cam kết đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 689/BKHĐT-ĐTRNN cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania. Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2017, tổng vốn đầu tư của dự án là 783 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 355 triệu USD, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 150 triệu USD, thanh toán tiền mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Viettel Tanzania bao gồm cả thanh toán các khoản nợ được tính vào giá mua là 30 triệu USD và vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông là 175 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp vốn khoảng 37,6 triệu USD (tương đương khoảng 831 tỷ VND) và cho vay khoảng 173 triệu USD (tương đương khoảng 3,97 nghìn tỷ VND) tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.755 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 859,95 triệu USD chiếm 49% tổng vốn đầu tư của dự án, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 169,05 triệu USD, vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông và/hoặc bảo lãnh cho vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước là 690,9 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã chi đầu tư khoảng 169 triệu USD (tương đương khoảng 3,88 nghìn tỷ VND) và cho vay khoảng 360 triệu USD (tương đương khoảng 8,28 nghìn tỷ VND) cho dự án tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty Truyền Thông Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Chi nhánh Viettel Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Trung tâm Không gian Mạng Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty trong cùng Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Công ty Viettel Peru S.A.C (Viettel Peru S.A.C)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Viettelimex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thông tin M1	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viettel America (Viettel America)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty liên kết	
Công ty TNHH Viễn thông Star	Công ty liên kết
Công ty TNHH Telecom International Myanmar ("Mytel")	Công ty liên kết

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.255.512.975.278	2.631.516.158.546
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	311.991.310.413	228.469.198.033
Công ty trong cùng Tập đoàn	1.031.006.154	14.245.538.204
Công ty liên kết	942.490.658.711	2.388.801.422.309
Mua hàng hóa, dịch vụ	834.086.451.511	920.596.806.578
Công ty mẹ	40.184.836.153	1.004.721.380
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	450.885.126.803	551.711.878.699
Công ty trong cùng Tập đoàn	342.762.811.295	367.515.987.798
Công ty liên kết	253.677.260	364.218.701
Cho vay	348.242.066.550	2.991.127.871.917
Công ty liên kết	348.242.066.550	2.991.127.871.917
Lãi chậm trả	310.042.747.491	290.575.766.511
Công ty liên kết	79.658.018.296	41.699.554.377
Công ty trong cùng Tập đoàn	230.384.729.195	248.876.212.134
Lãi cho vay	524.205.790.975	548.895.923.560
Công ty liên kết	524.205.790.975	548.895.923.560

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc (Tiền lương, thưởng)	11.519.213.357	12.324.318.269
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	3.065.403.082	2.103.835.844

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	10.522.031.641.609	12.099.425.849.649
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	209.975.414.552	154.657.859.771
Công ty trong cùng Tập đoàn	4.888.880.264.829	6.123.607.546.711
Công ty liên kết	5.423.175.962.228	5.821.160.443.167
Người mua trả tiền trước	-	1.592.266.164
Công ty liên kết	-	1.592.266.164
Phải thu khác	2.566.273.074.052	1.900.044.423.942
Công ty mẹ	653.595.714	324.495.714
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	5.072.882.538	5.641.016.280
Công ty trong cùng Tập đoàn	814.944.724.018	588.164.852.438
Công ty liên kết	1.745.601.871.782	1.305.914.059.510
Phải thu về cho vay	8.280.750.507.901	8.604.112.476.617
Công ty liên kết	8.280.750.507.901	8.604.112.476.617
Trả trước người bán	6.906.298.741	11.774.235.591
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	174.497.000	174.497.000
Công ty trong cùng Tập đoàn	6.731.801.741	11.599.738.591
Các khoản phải trả nhà cung cấp	1.245.547.809.507	1.571.090.730.284
Công ty mẹ	26.173.622.612	278.785.109.514
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	982.444.572.067	1.077.566.741.512
Công ty trong cùng Tập đoàn	236.927.698.827	214.730.420.902
Công ty liên kết	1.916.001	8.458.356
Các khoản phải trả khác	61.896.689.590	111.501.916.618
Công ty mẹ	8.889.861.392	10.200.161.644
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	52.987.740.666	88.876.500.511
Công ty trong cùng Tập đoàn	-	11.909.250.576
Công ty liên kết	19.087.532	516.003.887

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tình trạng khẩn cấp kéo dài một năm đã được ban bố tại Myanmar (nơi thành lập và hoạt động của Mytel – công ty liên kết của Tổng Công ty) sau khi quyền lực nhà nước tại Myanmar được chuyển giao cho Hội đồng Hành chính Nhà nước. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, tình hình vẫn đang diễn biến phức tạp và khó dự đoán, Tổng Công ty đang liên tục theo dõi và đánh giá tác động của các sự kiện này đến hoạt động và hiệu quả tài chính của Mytel. Tổng Công ty xác định rằng đây là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần điều chỉnh cho báo cáo tài chính năm hiện tại. Tổng Công ty sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động và hiệu quả tài chính của Tổng Công ty.

Công ty Viettel Timor UNIP, LDA. (công ty con của Tổng Công ty) đang chịu sự điều tra của Tòa án Quận Dili – Timor Leste liên quan đến các hoạt động mua bán bằng thông quốc tế với Công ty Elite Computer Dili. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ việc vẫn đang được điều tra và chưa có kết luận cuối cùng từ Tòa án. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa xác định được ảnh hưởng tài chính có thể có đối với Công ty Viettel Timor UNIP, LDA. hay không.

41. SỰ KIỆN KHÁC

Ảnh hưởng trên diện rộng của đại dịch COVID-19 với những diễn biến phức tạp đã tạo ra nhiều thách thức cho các ngành kinh tế cũng như toàn xã hội. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của đại dịch đối với các hoạt động của Tổng Công ty. Đồng thời, Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của đại dịch đối với nhân viên và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến của đại dịch để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu




Nguyễn Cao Lợi
Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

• TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Trụ sở chính
Địa chỉ: Tầng 39 - 40 Keangnam Hanoi Landmark
Tower 72, Lô E6, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Website: www.viettelglobal.vn

• CAMPUCHIA

Tên công ty: Viettel Cambodia Pte., Ltd.
Địa chỉ: 199 Mao Tse Tung Blvd (đường 245),
SangkatToulSvayPrey 2, Khan Chamkarm
Website: www.metfone.com.kh

• LÀO

Tên công ty: Star Telecom Co., Ltd.
Địa chỉ: Nongbone road, Phonxay village, Sayset-
tha district, Vientiane Capital, Lao P.D.R
Website: www.unitel.com.la

• CAMEROON

Tên công ty: Viettel Cameroun S.A.
Địa chỉ: P.B 87 Yaounde, Cameroon
Website: www.nexttel.cm

• BURUNDI

Tên công ty: Viettel Burundi S.A.
Địa chỉ: No 51, Boulevard de l'UPRONA, Quartier
Rohero II, Commune Rohero, Bujumbura-Mairie
Website: <http://www.lumitel.bi>

• ĐÔNG TIMOR

Tên công ty: Viettel Timor Leste Unipessoal LDA
Địa chỉ: CBD Plaza II - Rua Presidente - Nicolau
Lobato - Comoro, Dili, Timor Leste
Website: www.telemor.tl

• HAITI

Tên công ty: Natcom S.A.
Địa chỉ: Angle Ave. Martin Luther King et rue
Fernand, Pont Morin, Port-au-Prince, Haiti
Website: www.natcom.com.ht

• MOZAMBIQUE

Tên công ty: Movitel, S.A.
Địa chỉ: No 2586 Av.Ahmed Sekou Toure, Maputo,
Mozambique
Website: www.movitel.co.mz

• TANZANIA

Tên công ty: Viettel Tanzania Limited
Địa chỉ: 4th Floor, Tropical Center, New Bagamoyo
Road, P.O Box 34716, Dar Es Salaam, Tanzania
Website: <http://www.halotel.co.tz>

• MYANMAR

Tên công ty: Myanmar International Tele & Com-
munications (MITC)
Địa chỉ: #61-63, Zoological Garden Rd, Dagon
Township, Yangon, Myanmar